

Số: 01/2024/NQ-CTĐS-ĐHĐCD

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024.

NGHỊ QUYẾT
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khoá XIV nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt ngày 26/4/2024,

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo KQKD năm 2023, kế hoạch năm 2024
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2023
- Điều 5.** Thông qua Phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận theo Tờ trình số 02/2024/TTr-CTĐS-HĐQT
- Điều 6.** Thông qua Phương án chi trả Thù lao, phụ cấp của HĐQT năm 2023, kế hoạch thù lao HĐQT năm 2024 theo Tờ trình số 03/2024/TTr-CTĐS-HĐQT
- Điều 7.** Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 theo Tờ trình số 04/2024/TTr-CTĐS-HĐQT
- Điều 8.** Thông qua việc Giao dịch với các bên liên quan theo Tờ trình số 05/2024/TTr-CTĐS-HĐQT
- Điều 9.** Thông qua phương án niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán theo Tờ trình số 06/2024/TTr-HĐQT
- Điều 10.** Thông qua Điều lệ sửa đổi theo Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT và nội dung bổ sung theo ý kiến của cổ đông đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chi tiết sửa đổi theo Điều lệ đính kèm.
- Điều 11.** Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi theo Tờ trình số 08/2024/TTr-HĐQT và nội dung bổ sung theo ý kiến của cổ đông đã được



Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chi tiết sửa đổi theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm.

Điều 12. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi theo Tờ trình số 09/2024/TTr-HĐQT và nội dung bổ sung theo ý kiến của cổ đông đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chi tiết sửa đổi theo Quy chế hoạt động của HĐQT đính kèm.

Điều 13. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng quản trị ban hành theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/4/2024.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 13;
- UBCKNN, HNX;
- Trang TTĐT TCT;
- Lưu TCHC, VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Tạ Hữu Diễn



Số:01/2024/BB-CTĐS-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024.

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (Tổng công ty);

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 35 phút, ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt, mã số doanh nghiệp 3300101075, địa chỉ số 33 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Tổng công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Thành phần tham dự là các cổ đông và khách mời.

- Tổng công ty thực hiện lập danh sách cổ đông dự họp tại ngày đăng ký cuối cùng 02/4/2024, bao gồm cổ đông tổ chức và cá nhân là 360 cổ đông với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là **32.064.749** cổ phần.

- Tại thời điểm khai mạc đại hội 8 giờ 35 phút, tổng số cổ đông tham dự Đại hội là 120 cổ đông, đại diện và sở hữu 21.850.177 cổ phần, chiếm 68,114% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó: tham dự trực tiếp 73 cổ đông, đại diện 12.127.117 cổ phần, ủy quyền tham dự 47 cổ đông, đại diện 9.723.060 cổ phần.

- Đại hội đủ điều kiện để tiến hành theo quy định.

A. PHẦN NGHI THỨC ĐẠI HỘI

1. Chủ tọa đại hội

- Ông Tạ Hữu Diễn - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty.

Chủ tọa Đại hội đã cử Thư ký Đại hội, gồm:

2. Thư ký đại hội

- Ông: Nguyễn Huy Thương

- Ông: Tạ Thanh Tùng

Đại hội đã thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu theo đề cử của Chủ tọa với 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp tán thành như sau:

3. Ban Kiểm phiếu

- Ông: Bùi Quang Lượng - Trưởng ban.

- Ông: Lê Phú Minh Đức - Thành viên.

- Ông: Nguyễn Công Hưng - Thành viên.

B. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI:

Đại hội đã được nghe Ông Tạ Hữu Diễn trình bày Chương trình họp, Quy chế họp. Tại thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung trên, tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là 126 cổ đông, đại diện và sở hữu 28.611.107 cổ phần, chiếm 100% tổng

số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội. Các cổ đông đã thống nhất thông qua với tỉ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Chương trình cụ thể:

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
8h00 - 8h30	- Đón tiếp đại biểu khách mời, cổ đông. - Thống kê số cổ đông, người đại diện dự Đại hội.	Ban tổ chức
8h30 - 8h45	- Thông báo đủ điều kiện tổ chức ĐH - Chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu, thành phần cổ đông tham dự Đại hội - Giới thiệu Chủ tọa Đại hội - Mời Chủ tọa và các TV HĐQT lên bàn Chủ tọa	Ban tổ chức
8h45 - 8h55	- Chủ tọa cử thư ký Đại hội - Chủ tọa đề cử và Đại hội bầu Ban Kiểm phiếu - Thông qua chương trình, nội dung và quy chế Đại hội	Chủ tọa
8h55-10h00	Trình bày các báo cáo và tờ trình:	
	i). Báo cáo kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024	Tổng giám đốc
	ii). Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024	Chủ tịch HĐQT
	iii). Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023	
	iv). Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023 và trích lập các quỹ	
	v). Tờ trình về mức thù lao, phụ cấp của các thành viên HĐQT năm 2023, kế hoạch 2024	
	vi). Tờ trình về lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2024	
	vii). Tờ trình thông qua giao dịch với các bên liên quan	
	viii). Tờ trình phương án niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán.	
	ix). Tờ trình sửa đổi Điều lệ	
	x). Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
	xi). Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT	
	xii). Báo cáo kết quả hoạt động của UBKT năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024.	Chủ tịch UBKT
10h00-10h30	Đại hội thảo luận.	Chủ tọa
10h30-10h40	Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo, tờ trình	Chủ tọa
10h40- 10h55	Đại hội nghỉ giữa giờ	

10h55-11h10	Thông qua biên bản Đại hội.	Thư ký Đại hội
11h10	Bế mạc Đại hội.	Ban tổ chức

Đại hội đã được nghe trình bày các báo cáo và các tờ trình tại Đại hội, cụ thể như sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2023; kế hoạch SXKD năm 2024 của Tổng công ty do Ông Võ Văn Phúc – TV HĐQT – Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày.

2. Các báo cáo, tờ trình của HĐQT do Ông Tạ Hữu Diễn – Chủ tịch HĐQT Tổng công ty trình bày:

i). Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, kế hoạch năm 2024;
 ii). Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;
 iii). Tờ trình thông qua Phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023;

iv). Tờ trình về mức thù lao của các thành viên HĐQT năm 2023 kế hoạch thù lao của HĐQT năm 2024;

v). Tờ trình về lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024;

vi). Tờ trình thông qua giao dịch với các bên liên quan;

vii). Tờ trình về phương án niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán;

viii). Tờ trình sửa đổi Điều lệ;

ix). Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty;

x). Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT;

3. Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do Ông Phạm Hồng Thắng – Chủ tịch UBKT Tổng công ty trình bày.

C. CÁC Ý KIẾN THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Mai Thanh Phương-Phó CT HĐQT chia sẻ kinh nghiệm về công tác quản trị doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư máy móc thiết bị, cấu trúc năng lực thi công.

a. Tăng cường năng lực máy móc thiết bị, giải pháp tài chính để đáp ứng nhu cầu đầu tư

b. Chuẩn hóa năng lực thiết bị

c. Xây dựng nguồn lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đường sắt tốc độ cao: máy móc thiết bị, đào tạo nhân lực.

d. Cơ chế gắn thu nhập với hiệu quả công việc

2. Cổ đông Nguyễn Hải Duy có ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và việc ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ. Cụ thể:

a) Sửa đổi Điều lệ Tổng công ty

TT	Nội dung trước khi bổ sung, sửa đổi	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi
1	<i>Khoản 2 Điều 21:</i> Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau	<i>Khoản 2 Điều 21:</i> Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều này, các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông

	đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
2	<i>Khoản 4 Điều 21:</i> Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán ...	<i>Khoản 4 Điều 21:</i> Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại...
	<i>Mục a khoản 7 Điều 21:</i> Số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành đối với các vấn đề tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này	<i>Mục a khoản 7 Điều 21:</i> Số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành đối với các vấn đề tại khoản 2 Điều này
3	<i>Điều 25:</i>	<i>Điều 25: bổ sung khoản 1, khoản 2 các khoản khác tự động đánh lại số thứ tự</i> 1. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b) Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty; c) Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của Tổng công ty 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị: a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công

		ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty; e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
--	--	--

b) Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

TT	Nội dung trước khi bổ sung, sửa đổi	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi
	<i>khoản 2 Điều 20:</i> Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;;	<i>khoản 2 Điều 20:</i> Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;

c) Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

TT	Nội dung trước khi bổ sung, sửa đổi	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi
	<i>Mục b khoản 1 Điều 8:</i> Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của	<i>Mục b khoản 1 Điều 8:</i>

	Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;	Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
--	--	---

Ông Tạ Hữu Diễn thay mặt HĐQT cảm ơn, tiếp thu ý kiến của cổ đông và đề nghị các cổ đông cho ý kiến thông qua các nội dung bổ sung vào các TTr sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT

Tại thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung trên, tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là 126 cổ đông, đại diện và sở hữu 28.611.107 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội. Các cổ đông nhất trí thông qua với tỉ lệ tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Trên cơ sở Đại hội thông qua ý kiến đề xuất của cổ đông, chủ tọa Đại hội cũng đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kèm các tài liệu liên quan và công bố toàn văn trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

Tại thời điểm biểu quyết đề xuất ý kiến của Chủ tọa Đại hội, tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là 126 cổ đông, đại diện và sở hữu 28.611.107 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội. Các cổ đông nhất trí thông qua với tỉ lệ tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

D. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC THÔNG QUA

Ông Tạ Hữu Diễn đã hướng dẫn các cổ đông thực hiện cho ý kiến thông qua các vấn đề được thảo luận trong chương trình.

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp phát ra là 28.611.107 phiếu, tương ứng với 89,229% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông Tổng công ty.

Tổng số phiếu biểu quyết thu về là 28.610.961 phiếu, tương ứng với 99,9995% của các cổ đông dự họp.

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2023; kế hoạch SXKD năm 2024

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.357 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ không có ý kiến: 2 phiếu tương ứng 0 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023, kế hoạch năm 2024

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ tán thành: 28.609.357 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ không có ý kiến: 2 phiếu tương ứng 0 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

3. Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2023

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ tán thành: 28.609.357 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ không có ý kiến: 2 phiếu tương ứng 0 % tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và trích lập quỹ

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

5. Thù lao, phụ cấp của HĐQT năm 2023, kế hoạch 2024

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

6. Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

7. Điều lệ sửa đổi đã bao gồm các nội dung bổ sung theo ý kiến của cổ đông được Đại hội thông qua.

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

8. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi đã bao gồm các nội dung bổ sung theo ý kiến của cổ đông được Đại hội thông qua

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

9. Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi đã bao gồm các nội dung bổ sung theo ý kiến của cổ đông được Đại hội thông qua

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

10. Thông qua giao dịch với các bên liên quan

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

11. Phương án niêm yết cổ phiếu tại SGD Chứng khoán

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

12. Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán (UBKT)

- Tổng số phiếu biểu quyết: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 28.610.961 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ tán thành: 28.609.359 phiếu tương ứng 99,994% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không tán thành: 1.602 phiếu tương ứng 0,006% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tỷ lệ không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, với kết quả biểu quyết trên, các vấn đề sau được thông qua:

TT	Các vấn đề xin ý kiến	Tỉ lệ biểu quyết thông qua (%)
1	Báo cáo kết KQKD năm 2023, kế hoạch năm 2024	99,994%
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT)	99,994%
3	Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2023	99,994%
4	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và trích lập quỹ	99,994%
5	Thù lao, phụ cấp của HDQT năm 2023, kế hoạch 2024	99,994%
6	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024	99,994%
7	Điều lệ sửa đổi bao gồm các nội dung bổ sung theo ý kiến cổ đông được ĐHĐCĐ thông qua	99,994%

8	Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi bao gồm các nội dung bổ sung theo ý kiến cổ đông được ĐHĐCĐ thông qua	99,994%
9	Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi bao gồm các nội dung bổ sung theo ý kiến cổ đông được ĐHĐCĐ thông qua	99,994%
10	Thông qua giao dịch với các bên liên quan	99,994%
11	Phương án niêm yết cổ phiếu tại SGD Chứng khoán	99,994%
12	Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán (UBKT)	99,994%
13	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kèm các tài liệu liên quan và công bố toàn văn trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật	100%

G. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ BẾ MẠC CUỘC HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng công ty đã hoàn thành tất cả các nội dung theo chương trình Đại hội đã đề ra.

Thư ký đại hội đọc Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Biên bản họp, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kèm các tài liệu liên quan và công bố toàn văn trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

Biên bản này được Đại hội biểu quyết thông qua toàn bộ nội dung với tỉ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Ban tổ chức đã công bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty.

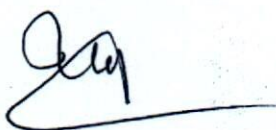
Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 05 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA



Tạ Thanh Tùng



Nguyễn Huy Thương



Tạ Hữu Diễn

Số: 01/2024/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

- Kính thưa các vị khách quý!

- Thưa Quý vị Cổ đông!

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, tôi xin báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (gọi tắt là Tổng công ty hoặc RCC).

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

1. Tổng giá trị sản lượng: 922,6 tỷ (KH: 1.086 tỷ đồng), tăng 217% so với 2022
2. Doanh thu: 839,96 tỷ đồng (KH: 950 tỷ đồng), tăng 184% so với 2022
3. Lợi nhuận sau thuế: 30 tỷ đồng (KH: 50 tỷ đồng), tăng 117% so với 2022
4. Giá trị ký kết hợp đồng xây lắp: 1.074 tỷ đồng (KH: 1.250 tỷ đồng), tăng 193% so với 2022
5. Thu vốn: 741,83 tỷ đồng
5. Khối lượng xây lắp hoàn thành chưa thanh toán tại 31/12/2023: 383,4 tỷ đồng
6. Tiền và các khoản tương đương tiền tại 31/12/2023: 314,6 tỷ đồng
7. Vay và nợ thuê tài chính tại 31/12/2023: 278,4 tỷ đồng. Trong đó:
 - Vay ngắn hạn: 270 tỷ đồng
 - Vay dài hạn: 1,4 tỷ đồng
8. Các khoản phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2023: 414,8 đồng
9. Các khoản phải trả khách hàng ngày 31/12/2023: 157,6 tỷ đồng
10. Hệ số khả năng thanh toán: 1,286 lần
11. Thực hiện nộp ngân sách Nhà nước: 3,43 tỷ đồng



12. Đầu tư mới và đại tu sửa chữa thiết bị: 28,35 tỷ đồng

II. Đời sống, chính sách xã hội:

1. Thu nhập bình quân người lao động: 12,1 triệu đồng /người/tháng.
2. Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động.

III. Đánh giá chung:

- Có thể nói năm 2023 là năm Tổng công ty có nhiều chuyển biến tích cực trong hoạt động SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tăng trưởng vượt bậc so với năm 2022. Tuy nhiên, nhìn chung kết quả hoạt động SXKD không đạt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đề ra.

- Bên cạnh những yếu tố tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển như: Chính phủ thực thi các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô cũng như ban hành các chính sách cụ thể, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp; Các bộ, ngành, Tổng công ty đường sắt Việt Nam, các chủ đầu tư hỗ trợ công tác giải ngân, điều chỉnh kế hoạch cấp vốn cho các công trình, dự án và thanh toán vốn kịp thời theo khối lượng hoàn thành... thì vẫn tồn tại một số yếu tố khách quan khiến tiến độ công trình không được đảm bảo theo kế hoạch ban đầu như công tác giải phóng mặt bằng chậm trễ.... Nhưng với tinh thần không ngại khó, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã nỗ lực, chủ động phối hợp làm việc với chủ đầu tư, tư vấn giám sát để kịp thời tháo gỡ giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tiến hành tổ chức nghiệm thu các hạng mục hoàn thành. Tổ chức kiểm tra, họp trực tuyến để chỉ đạo tiến độ từng công trình, chỉ đạo công tác thanh toán thu hồi vốn kịp thời phục vụ SXKD.

- Trong năm 2023, vẫn tồn tại một số vấn đề trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như: công tác tìm kiếm việc làm không đạt chỉ tiêu, một số bộ phận người lao động thiếu việc làm cục bộ; công tác cơ cấu tổ chức chưa được thực hiện dẫn đến bộ máy quản lý hoạt động hiệu quả chưa cao...

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

- 1 - Tổng giá trị sản lượng: 1.091 tỷ đồng
- 2 - Doanh thu: 989,8 tỷ đồng
- 3 - Giá trị ký hợp đồng trên: 500 tỷ đồng
- 4 - Lợi nhuận trước thuế: 24,74 tỷ đồng

- 5 - Đầu tư mới thiết bị: 34,25 tỷ đồng
- 6 - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước

II. Công tác tài chính:

- 1. Thực hiện thanh toán kịp thời các hạng mục công trình đã hoàn thành.
- 2. Tăng cường công tác thu hồi công nợ tồn đọng.
- 3. Đáp ứng đủ vốn phục vụ thi công các công trình đảm bảo tiến độ.

III. Đời sống, chính sách xã hội:

- 1. Thu nhập bình quân người lao động: 12,5 triệu đồng /người/tháng
- 2. Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động.

IV. Biện pháp điều hành:

Để đạt được các chỉ tiêu SXKD nêu trên, Ban Tổng giám Tổng công ty tập trung thực hiện các nội dung sau đây:

- 1. Đẩy mạnh công tác tiếp cận, đấu thầu và ký các hợp đồng mới có giá trị và hiệu quả kinh tế cao.
- 2. Phối hợp với các chủ đầu tư, các bộ ngành liên quan để tháo gỡ các thủ tục ghi vốn các công trình đã hoàn thành chưa được bố trí vốn thanh toán gói thầu số 8 dự án Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân.
- 3. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các gói thầu số XL01 cầu Đường sắt Đuống, Gói thầu XL02 – Cầu Khe Nét, gói thầu XL02 Cao tốc Vạn Ninh - Cam Lộ, gói thầu XL11 cao tốc Quy Nhơn – Chí Thạnh. Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn.
- 4. Tăng cường công tác nghiệm thu – thanh toán. Chỉ đạo giải quyết kịp thời các thủ tục thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, tích cực đôn đốc thu hồi nợ để đảm bảo đủ vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất của Tổng công ty.
- 5. Xây dựng kế hoạch đào tạo công nhân chất lượng cao cho dự án Đường sắt tốc độ cao, đào tạo bổ sung các chứng chỉ nghiệp vụ phục vụ công tác đấu thầu và tổ chức thi công.
- 6. Tiếp tục triển khai nhóm giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp:

- Hoàn thiện hệ thống quy chế, văn bản pháp lý của Tổng công ty. Xây dựng, sửa đổi, cập nhật lại cho phù hợp với tình hình hiện tại (Quy chế Tài chính; Quy chế lương...)

- Đổi mới mô hình tổ chức kinh doanh, tổ chức thi công. Xây dựng cơ chế thúc đẩy động lực cho các đơn vị thành viên hoàn thành mục tiêu.

- Tăng cường công tác quản trị lợi nhuận, kiểm soát chi phí gián tiếp và chi phí trực tiếp một cách có hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống giám sát, quản lý rủi ro.

- Xây dựng phần mềm quản trị nguồn lực, thống nhất quản lý từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên.

7. Xây dựng nghiên cứu, tiếp cận và áp dụng công nghệ mới cho dự án Đường sắt tốc độ cao nhằm đưa Tổng công ty lên vị thế là đơn vị định hướng công nghệ cho ngành đường sắt Việt nam.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Đề nghị các cổ đông tham gia đóng góp ý kiến làm căn cứ, xây dựng nghị quyết và giao cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.

Kính chúc sức khỏe các vị khách quý và các quý vị cổ đông!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Lưu: TCHC

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Tạ Hữu Diễn

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động năm 2023 và
Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội Đồng Quản Trị Tổng công ty**

Kính thưa Quý vị cổ đông.

Môi trường kinh tế thế giới năm 2023 có một số diễn biến đáng chú ý: tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 được các tổ chức quốc tế điều chỉnh so với dự báo trước đây nhưng hầu hết các dự báo đều thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế-IMF, sản lượng thế giới ước tăng ở mức 3,1% vào năm 2023, giảm so với mức 3,5% năm 2022; thương mại hàng hóa toàn cầu tiếp tục giảm; lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm trong năm 2023; các điều kiện tài chính đã bị thắt chặt ở hầu hết các nền kinh tế lớn, phản ánh tác động tích lũy của chính sách tăng lãi suất trong quá khứ và thắt chặt định lượng; thị trường lao động ở các nền kinh tế phát triển có dấu hiệu ổn định.

Trong báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới tháng 10/2023, IMF nhận định tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 bị chững lại do tác động mạnh của các cơn gió ngược tới nền kinh tế vào cuối năm 2022 và trong nửa đầu năm 2023. Căng thẳng tài chính tại các doanh nghiệp bất động sản xuất hiện vì các điều kiện cho vay thắt chặt hơn, những rào cản pháp lý và doanh số bán hàng chậm lại, trong khi thị trường trái phiếu doanh nghiệp đóng băng. Nền kinh tế tiếp tục bị tác động do nhu cầu bên ngoài sụt giảm kể từ cuối năm 2022, với xuất khẩu giảm 12% trong nửa đầu năm 2023. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021.

Với hoạt động chính xây lắp hạ tầng giao thông đường sắt và đường bộ, Tổng công ty chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động đầu tư công. Trong năm 2023, ngành xây dựng hạ tầng giao được giải ngân từ nguồn vốn ngân sách đạt 95% tổng số vốn 94,16 nghìn tỉ đồng, mức cao kỷ lục từ trước đến nay. Trong đó, cho 17 dự án đường bộ với 9 dự án đường bộ cao tốc. Vốn ngân sách giải ngân cho đường sắt 2.126 tỉ đồng, đạt 97,8% tổng số vốn 2.147 tỉ đồng. Nguồn vốn từ ngân sách đã tạo được nhiều công ăn việc làm cho các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng giao thông. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh rất cao giữa các doanh nghiệp trong ngành.

Trong bối cảnh đó, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Tổng công ty đã có những diễn biến theo chiều hướng tích cực.

Kết quả hoạt động cụ thể của HĐQT trong năm 2023 cũng như kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2023.

1. Tổ chức của HĐQT

Trong năm, HĐQT tiếp tục vận hành theo mô hình có UBKT trực thuộc và phân công các thành viên phụ trách các hoạt động của Tổng công ty với số lượng 5 thành viên, gồm:

- Ông Tạ Hữu Diễn – Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Văn Phúc – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Mai Thanh Phương – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Hồng Thắng – Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT
- Ông Phạm Ngọc Quốc Cường – Thành viên HĐQT, thành viên UBKT

2. Tình hình thực hiện chỉ tiêu kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

Chỉ tiêu	KH	TH	%TH/KH
Giá trị hợp đồng ký mới (tỷ đồng)	1.250	1.074	85,9%
Giá trị sản lượng thực hiện (tỷ đồng)	1.000	923	92,3%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	950	840	88,4%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	50	38,7	77,4%
Cổ tức (tỷ đồng).	10%	-	-

3. Chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	840,0
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38,7
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30,1
	<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	27,4
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	856
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.197,4
5.1	Tài sản ngắn hạn	1.087,1
5.2	Tài sản dài hạn	110,3
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.197,4
6.1	Nợ phải trả	789,5
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	407,9

4. Tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023

Ngoài các chỉ tiêu kinh doanh, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành, thực hiện các nội dung mà nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023 đã đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

- Đã thực hiện việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận, chi trả thù lao, phụ cấp của HĐQT theo phương án ĐHĐCĐ thông qua.

- HĐQT đã lựa chọn AASC là đơn vị kiểm toán có trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận của UBCK NN.

- Thực hiện niêm yết cổ phiếu: hồ sơ niêm yết đang trong giai đoạn hoàn thiện để đáp ứng các điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật và của Sở giao dịch chứng khoán. Dự kiến, HĐQT nộp hồ sơ niêm yết trong thời gian sớm nhất khi hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện.

5. Thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn.

- Thực hiện mục tiêu duy trì vị thế số 1 trong ngành xây dựng các công trình giao thông đường sắt, từng bước mở rộng sang các công trình đường bộ, HĐQT đã tiếp tục chỉ đạo và tham gia vào việc tiếp cận, ký kết hợp đồng gói XL03A HNV, XL03 Vinh-Nha Trang, XL01A Vinh-Nha Trang và gói Dự án cải tạo đường sắt đèo Khe Nét.

- Xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng chuyên môn tốt, kỹ năng quản trị điều hành, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện tuyển dụng mới, bổ nhiệm các nhân sự trong hệ thống đảm nhận các vị trí chuyên môn nghiệp vụ tại phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Kỹ thuật – Công nghệ.

- Về công tác quản trị, HĐQT đã xem xét việc tổ chức lại phòng ban chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngành xây dựng nói chung và hạ tầng giao thông nói riêng, cùng với việc quy hoạch lại các công ty đầu mối.

- Trong năm qua, ngoài việc duy trì quan hệ với các ban quản lý dự án của Bộ GTVT, Tổng công ty ĐSVN, việc đặt quan hệ với một số nhà thầu tư nhân lớn và nhà thầu nước ngoài. Cụ thể Tổng công ty đứng liên danh với nhà thầu ILSUNG của Hàn Quốc ở gói thầu Khe Nét.

6. Các hoạt động của HĐQT

- Tiếp tục hoàn thiện khung quản trị: xây dựng các quy định, quy chế nhằm điều chỉnh các hoạt động trong nội bộ của Tổng công ty, của Tổng công ty với các đối tác bên ngoài, của Tổng công ty với các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty.

- Tăng cường vai trò của người đại diện tại các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty, kiểm soát hoạt động của các đơn vị thành viên, đảm bảo hoạt động của các đơn vị này theo định hướng chung của Tổng công ty song song với việc tôn trọng tính độc lập trong hoạt động của các công ty thành viên.

- Định kỳ xem xét, đánh giá tình hình hình sản xuất kinh doanh, tìm kiếm việc làm, công tác tổ chức cán bộ, cơ cấu tổ chức tại cơ quan Tổng công ty và các công ty thành viên, xử lý và huy động vốn trả nợ Ngân hàng.

- Thành viên HĐQT tham gia điều hành thường xuyên dự họp giao ban tháng cùng các thành viên Ban Tổng giám đốc, qua đó nắm rõ về tình hình hoạt động của Tổng công ty và có những ý kiến chỉ đạo phù hợp, tạo sự đồng thuận cao trong quản lý điều hành theo mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra. HĐQT đã cùng Ban Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức ĐHĐCĐ các công ty thành viên, làm việc với các Công ty thành viên về công tác tổ chức cán bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh tìm kiếm việc làm và vay vốn để tháo gỡ khó khăn cho từng đơn vị.

7. Các cuộc họp của HĐQT, nghị quyết được thông qua

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và theo hoạt động kinh doanh. Các cuộc họp đều có sự tham gia của đầy đủ các thành viên HĐQT, thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ. Các cuộc họp của HĐQT đã được nêu tại Báo cáo quản trị năm 2023. Cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Tạ Hữu Diễn	9/9	100%	
2	Ông Mai Thanh Phương	9/9	100%	
3	Ông Võ Văn Phúc	9/9	100%	
4	Ông Phạm Ngọc Quốc Cường	9/9	100%	
5	Ông Phạm Hồng Thắng	9/9	100%	

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT cũng đã tiến hành họp, thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT và thông qua các báo cáo tình hình tài chính hàng quý, năm của Tổng công ty. Cụ thể, các cuộc họp được tổ chức như sau:

STT	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Hồng Thắng	3/3	100%	100%	
2	Ông Phạm Ngọc Quốc Cường	3/3	100%	100%	

Các nghị quyết HĐQT thông qua:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	03/01/2023	NQ về việc ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ
2	02/2023/QĐ-HĐQT	03/01/2023	QĐ về việc ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ

3	03/2023/NQ-HĐQT	30/1/2023	-Thông qua việc xử lý cổ phiếu còn dư của đợt Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
4	04/2023/NQ-HĐQT	31/1/2023	-Miễn nhiệm ông Lê Phước Quý Châu Phó tổng giám đốc Tổng công ty công trình đường sắt
5	05/2023/NQ-HĐQT	2/2/2023	-Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
6	06/2023/NQ-HĐQT	07/02/2023	-Về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
7	07/2023/QĐ- HĐQT	10/02/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị thi công gói thầu XL02 đoạn Vạn Ninh- Cam Lộ
8	08/2023/NQ-HĐQT	13/02/2023	NQ về việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ
9	09/QĐ-CTĐS-HĐQT	07/3/2023	- Về việc tài liệu và ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
10	11/QĐ-CTĐS-HĐQT	11/3/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị Đầu tư máy khoan neo hầm đường sắt
11	13/QĐ-CTĐS-HĐQT	29/3/2023	- Thông qua v.v điều chỉnh thông tin tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên.
12	14/QĐ-CTĐS-HĐQT	18/4/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị Máy đào bánh xích
13	15/QĐ-CTĐS-HĐQT	25/4/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị Đầu tư máy siêu âm khuyết tật mối hàn phục vụ sản xuất dầm thép
14	16/QĐ-CTĐS-HĐQT	25/4/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị Đầu tư máy đào có hệ lắp chạy trên ray
15	17/QĐ-CTĐS-HĐQT	29/4/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị Đầu tư xe ô tô mix chở bê tông 12m3
16	18/QĐ-CTĐS-HĐQT	29/4/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị Đầu tư máy siêu âm khuyết tật mối hàn
17	20/QĐ-CTĐS-HĐQT	26/5/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng. Gói thiết bị Đầu tư trạm điện phục vụ thi công cầu Bến Quang – XL02 – Vạn Ninh – Cam Lộ
18	21/NQ-CTĐS-HĐQT	09/6/2023	NQ về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập và ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
19	25/QĐ- CTĐS-HĐQT	25/7/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng; Gói thiết bị đầu tư máy toàn đạc điện tử phục vụ gói thầu XL11 Quy Nhơn – Chí Thanh
20	26/QĐ- CTĐS-HĐQT	05/8/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng; Gói thiết bị cải tạo và lắp đặt Trạm điện 160KVA thành 250KVA - Gói thầu XL02, dự án thành phần đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ
21	27/QĐ- CTĐS-HĐQT	21/9/2023	QĐ đầu tư và lựa chọn nhà cung ứng; Gói thiết bị đầu tư máy đào bánh xích phục vụ thi công

22	28/QĐ- CTĐS-HĐQT	27/11/2023	QĐ về việc thanh lý vật tư thiết bị
23	30/QĐ- CTĐS-HĐQT	29/12/2023	QĐ về việc miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Tổng công ty đối với ông Phùng Tiến Hải Cường
24	31/QĐ- CTĐS-HĐQT	29/12/2023	QĐ về việc bổ nhiệm bà Đỗ Thu Hương giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Tổng công ty

8. Thù lao, phụ cấp của các thành viên HĐQT

Trong năm, thù lao, phụ cấp, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo quy định của Tổng công ty. Cụ thể:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao, phụ cấp
Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch	811.000.000
Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch	111.000.000
Võ Văn Phúc	Thành viên	583.180.000
Phạm Hồng Thắng	Thành viên độc lập	55.000.000
Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên	111.000.000

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

1. Môi trường kinh doanh năm 2024

Đến thời điểm tháng 3/2024, hầu hết các tổ chức quốc tế đều hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024. Riêng Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 bằng với năm 2023, ở mức 3,1%. IMF chỉ ra bốn nhân tố rủi ro chính làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong thời gian tới, gồm: giá hàng hóa tăng đột biến trong bối cảnh những cú sốc địa chính trị và thời tiết; lạm phát cơ bản kéo dài, đòi hỏi lập trường chính sách tiền tệ chặt chẽ hơn; tăng trưởng chững lại ở Trung Quốc; các nền kinh tế chuyển hướng sang chính sách tài khóa thắt chặt.

Năm 2024, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo GDP của Việt Nam cũng khá tích cực với mức tăng 5,8% và nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới. Một trong những lý do khiến IMF tin tưởng về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam là nhờ nền tảng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có được từ trước thời kỳ đại dịch Covid-19 vẫn được duy trì trong năm 2024 cho dù nền kinh tế định hướng xuất khẩu đã chịu nhiều tác động của nhu cầu sụt giảm từ bên ngoài trong năm 2023.

Năm 2024, lượng vốn cho đầu tư phát triển hạ tầng giao thông chiếm áp đảo, lên tới 422.000 tỷ đồng trong tổng số 657.000 tỷ đồng vốn đầu tư công. Nguồn vốn thông qua Bộ Giao thông Vận tải dự định cho 19 dự án. Cụ thể, 3 dự án cao tốc gồm cao tốc Dầu Giây - Tân Phú, Chợ Mới - Bắc Kạn, Lộ Tẻ - Rạch Sỏi. 16 dự án khác gồm đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận, dự án cải tạo, mở rộng quốc lộ 2 đoạn Vĩnh Yên - Việt Trì, Vĩnh Phúc, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 28B qua tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng. Đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - ngã ba Trung Sơn, dự án cải tạo đường sắt khu vực đèo Khe Nét, tuyến đường sắt Hà Nội - TP.HCM, xây dựng cầu Ninh Cường vượt sông Ninh Cơ trên quốc lộ 37B (ODA) và sẽ trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư các tuyến đường sắt quan trọng quốc gia như TPHCM - Cần Thơ, Biên Hòa - Vũng Tàu, Long Thành - Thủ Thiêm, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

Bên cạnh cơ hội, các doanh nghiệp xây dựng cũng đối mặt với các thách thức: môi trường tín dụng tiếp tục thắt chặt ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn vay; lãi suất cho vay, tỷ giá ngoại tệ, giá xăng dầu, giá vật liệu xây dựng tăng dẫn đến chi phí của doanh nghiệp tăng cao ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Hoạt động của HĐQT

- HĐQT tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ trong quyền hạn được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

- Năm 2024, HĐQT tập trung vào công tác đầu thầu, tìm kiếm hợp đồng, triển khai kế hoạch tái tổ chức đã được thông qua đi đôi với nâng cấp hệ thống thông tin quản trị.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2024

STT	Chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất	Giá trị (tỷ đồng/%)
1	Giá trị hợp đồng ký mới	Trên 500
2	Giá trị sản lượng thực hiện (*)	1.091
3	Doanh thu thuần (**)	989,8
4	Lợi nhuận trước thuế	24,74
5	Cổ tức	5%

(*) Giá trị sản lượng của hoạt động xây lắp công trình đường sắt, công trình đường bộ và sản xuất công nghiệp.

(**) Bao gồm cả doanh thu từ hoạt động khác (cho thuê văn phòng, cho thuê máy móc thiết bị, kinh doanh vật tư thi công và hoạt động kinh doanh khác).

III. Biện pháp thực hiện

- Mở rộng việc hợp tác trong hoạt động đấu thầu, bên cạnh việc tự tìm kiếm hợp đồng và xúc tiến bán hàng.
- Tái tổ chức hoạt động phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, hệ thống công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty.
- Xem xét áp dụng từng bước mô hình quản lý nguồn lực tập trung, đi đôi với xây dựng các cơ chế gắn hiệu quả công việc với thu nhập của người lao động.
- Xây dựng hệ thống thông tin tài chính, quản trị và quản lý công việc.
- Xem xét các phương án khai thác quỹ đất đai.

Trên đây là kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét, cho ý kiến.

Trân trọng./. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Tạ Hữu Diễn

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2023**
HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2023**1. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán (UBKT)**

Stt	Thành viên	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Phạm Hồng Thắng	3	100%	100%
2	Phạm Ngọc Quốc Cường	3	100%	100%

- Thù lao của các thành viên UBKT đã được báo cáo trong báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty.

- Các thành viên không có các lợi ích khác liên quan đến Tổng công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

2. Hoạt động của UBKT trong năm 2023

- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng công ty thông qua và các công ty thành viên. Năm 2023 có nhiều thuận lợi với hoạt động của Tổng công ty. Đầu tư công được thúc đẩy, nhiều dự án xây dựng được triển khai, mặt bằng giá cả vật tư hàng hóa ổn định đã đóng góp vào kết quả kinh doanh khả quan của toàn Tổng công ty. Tổng công ty đã tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng xây lắp, doanh thu thực hiện, bảo đảm việc làm cho người lao động. Tuy nhiên các chỉ tiêu chính như doanh thu, lợi nhuận Tổng công ty chưa đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra đầu năm.

- Giám sát công tác lập Báo cáo tài chính: Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã lập, công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng. Báo cáo tài chính bán niên 2023 và Báo cáo tài chính năm 2023 được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASC với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

- Đánh giá Hệ thống kiểm soát nội bộ :



Các quy định nội bộ của Tổng công ty trong năm 2023 đã đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ phát huy hiệu quả. Một mặt nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, một mặt giám sát và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- UBKT đã xem xét và trình phê duyệt các quyết định miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự Ban kiểm toán nội bộ. UBKT đã chỉ đạo và giám sát Ban kiểm toán nội bộ thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo đúng điều lệ, quy chế của Tổng công ty và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023 đã được HĐQT phê duyệt.

- Các thành viên của UBKT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, báo cáo kịp thời tới HĐQT các hoạt động của UBKT và các kiến nghị liên quan của UBKT. Tham gia nhiều cuộc họp với Ban Tổng giám đốc đóng góp ý kiến cho việc thiết lập, đánh giá thực hiện mục tiêu và kế hoạch hoạt động của Tổng công ty trong năm.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT : HĐQT đã nghiêm túc và tích cực triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023. Thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển Tổng công ty, thông qua việc tiếp tục cơ cấu hệ thống tài chính toàn Tổng công ty. Tập trung nguồn lực tìm kiếm các hợp đồng xây lắp mới, đồng thời tìm kiếm các cơ hội khác để tăng hiệu quả hoạt động. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ pháp luật nhà nước, điều lệ của Tổng công ty

2. Kết quả giám sát với Ban Tổng giám đốc : Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị Quyết của HĐQT và thực thi tốt chức năng điều hành hoạt động của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các chính sách về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; Thường xuyên kiểm soát tình hình hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên để xử lý, báo cáo và đề xuất ý kiến với HĐQT theo định kỳ.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA UBKT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

102
TY
IÁN
ĐNG
TRIN
G SÁ
1-19

Cũng như các năm trước của nhiệm kỳ . Năm 2023, UBKT nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ của mình từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị Tổng công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét: - HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động Tổng Công ty theo đúng định hướng đã được ĐHĐCĐ đề ra;

- Hoạt động quản lý, điều hành, không có ghi nhận từ các cơ quan quản lý về sự vi phạm hay sai sót nào trọng yếu.

2. Kiến nghị: HĐQT định hướng, thiết lập cơ chế, dành nguồn lực và ngân sách, chỉ đạo, giám sát việc :

- Đánh giá lại hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Cùng cố, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty;

- Nâng cao nhận thức cho độ ngũ nhân sự trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp và quản lý rủi ro;

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Rà soát, đánh giá và ban hành các chính sách, quy định, nội quy điều chỉnh bổ sung phù hợp trong vận hành, kiểm soát hoạt động của Tổng công ty;

Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhằm tối ưu hóa nguồn lực đất đai, tài sản và năng lực thi công của Tổng công ty. Tối ưu hóa chi phí hoạt động thi công và tài chính đảm bảo các quyết định phù hợp với mục tiêu tổng thể của Tổng công ty.

- Tập trung kiểm soát chuẩn lược, kiểm soát tuân thủ tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2024;

- Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ năm 2024 căn cứ kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024.
- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành;
- Kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành trong năm 2024.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của UBKT năm 2023, và phương hướng hoạt động năm 2024 kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Thắng





CÔNG TY CỔ PHẦN
TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
Số: 01/2024/TT-CTĐS-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024.

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2024

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 (bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất) của Tổng công ty, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến.

Trân trọng ./.

Nơi nhận: 

- Cổ đông TCT;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ TỊCH



Tạ Hữu Diễn

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt (Tổng công ty);
- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được Công ty Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán (AASC);
- Căn cứ vào Đề xuất của Tổng giám đốc Tổng công ty,

Hội đồng Quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

Theo Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023 đã được AASC kiểm toán:

Doanh thu thuần (đồng)	839.968.366.132
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	29.462.642.100
Lợi nhuận sau thuế (LNST) của công ty mẹ (đồng)	26.815.183.551

Phương án phân phối

LNST hợp nhất năm 2023 phân phối như sau:

Nội dung phân phối	Giá trị (đồng)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.000.000.000
- Để lại chưa chia	25.815.183.551

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến.

Trân trọng ./.

Nơi nhận: 

- Cổ đông TCT;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tạ Hữu Diễn

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc chi trả thù lao, phụ cấp HĐQT 2023
Và kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp HĐQT năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2024

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty;
- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024.

Hội đồng Quản trị xin báo cáo việc thực hiện chi trả thù lao, phụ cấp của HĐQT năm 2023 và kế hoạch thù lao, phụ cấp của HĐQT năm 2024 như sau:

1/ Kết quả thực hiện chi trả thù lao, phụ cấp năm 2023

- a/ Kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: 2 tỉ đồng
- b/ Thù lao, phụ cấp vượt kế hoạch lợi nhuận: không có.
- c/ Thực hiện: như *Bảng tính thù lao, phụ cấp đính kèm*

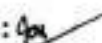
2/ Kế hoạch thù lao, phụ cấp của HĐQT năm 2024

- Thù lao, phụ cấp cố định: 2 tỉ đồng
- Thù lao, phụ cấp vượt kế hoạch lợi nhuận: 10% giá trị vượt kế hoạch của chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế.

Mức thù lao, phụ cấp thực tế của HĐQT sẽ được chi trả căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 và số lượng thành viên HĐQT thực tế. Mức thù lao, phụ cấp đối với từng thành viên do HĐQT quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến.

Trân trọng ./.

Nơi nhận: 
- Cổ đông TCT;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Tạ Hữu Diễn



BẢNG TÍNH THỦ LAO, PHỤ CẤP
THÀNH VIÊN HĐQT 2023

THÀNH VIÊN	SỐ TIỀN (VND)	GHI CHÚ
Tạ Hữu Diễn	811.000.000	
Mai Thanh Phương	111.000.000	
Võ Văn Phúc	583.180.000	
Phạm Hồng Thắng	55.000.000	
Phạm Ngọc Quốc Cường	<u>111.000.000</u>	
TỔNG CỘNG	1.671.180.000	



TỜ TRÌNH**V/v: thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Danh sách Công ty Kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi của Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt (Tổng công ty) đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua,

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét, lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty tối đa hai trong các Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
4. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo việc phối hợp với công ty kiểm toán được lựa chọn trong việc cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin theo yêu cầu của công ty kiểm toán đầy đủ và đúng hạn để phục vụ công tác kiểm toán. Từ đó, công ty kiểm toán được lựa chọn có trách nhiệm đảm bảo trong việc ký ban hành Báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét tuân thủ về mặt thời gian theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Điều này phải được quy định và thể hiện trong Hợp đồng kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính năm 2024 ký kết giữa RCC và Công ty kiểm toán được lựa chọn.

Trường hợp các Công ty kiểm toán nêu trên không thể thực hiện công tác kiểm toán theo quy định pháp luật, quy định của Cơ quan quản lý Nhà nước hoặc RCC không đạt được thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập khác (Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định) để



thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định Pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến.

Trần trọng J.

Nơi nhận:

- Nơi nhận: 
- Sở Công Thương;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Tạ Hữu Điển





CÔNG TY CỔ PHẦN
TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
Số: 05/2024/TT-CTĐS-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024.

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua giao dịch với người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 155/2020/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi của Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt (Tổng công ty) đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua,

Hội đồng quản trị kính trình HĐQT thông qua:

1. Các giao dịch với người có liên quan đã được HĐQT thông qua trong năm tài chính 2023 và được thuyết minh tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của RCC.
2. Các giao dịch dự kiến với các bên liên quan trong năm tài chính 2024 (theo danh sách đính kèm tờ trình).

Trân trọng ./.

Nơi nhận: 

- Cổ đông TCT;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Tạ Hữu Diễn

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Công trình 791	Cty có vốn đầu tư của TCT
2	Công ty CP Công trình 792	Cty có vốn đầu tư của TCT
3	Công ty CP Công trình 793	Cty có vốn đầu tư của TCT
4	Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	Cty có vốn đầu tư của TCT
5	Công ty CP Công trình Cơ giới 798	Cty có vốn đầu tư của TCT
6	Công ty CP Công trình 875	Cty có vốn đầu tư của TCT
7	Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Cty có vốn đầu tư của TCT
8	Công ty CP Công trình 879	Cty có vốn đầu tư của TCT
9	Công ty CP Đá Hoàng Mai	Công ty con
10	Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con
11	Ông Tạ Hữu Diễn – Chủ tịch HĐQT	Người nội bộ
12	Bà Vũ Thị Hải Yến – Phó Tổng giám đốc	Người nội bộ



Số: 06/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024.

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua việc niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt trên
Sở giao dịch chứng khoán**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiếp tục thực hiện chuẩn hóa, đáp ứng điều kiện niêm yết. Do vậy, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án niêm yết cổ phiếu của Công ty như sau:

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm triển khai việc niêm yết cổ phiếu

- Địa điểm niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Thời gian niêm yết cổ phiếu dự kiến: Trong năm 2024

Cùng với đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nội dung công việc sau:

- Triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của công ty;

- Quyết định thay đổi và lựa chọn địa điểm niêm yết để phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện, tình hình thực tế tại thời điểm nộp hồ sơ niêm yết;

- Các nội dung công việc khác để đảm bảo thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu của công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận: 

- Cổ đông TCT;
- Lưu TCHC, VP.HĐQT.



Tạ Hữu Diễn

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT



ĐIỀU LỆ

Hà Nội, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	9
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần	12
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12. Quyền của cổ đông	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	35
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	35
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	36
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	36

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	37
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng phòng ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng Công ty.....	38
CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	38
Điều 37. Tiêu chuẩn, điều kiện và bổ nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán.....	38
Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	39
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.....	39
Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.....	39
Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	39
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	40
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng	40
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	42
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	42
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	42
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	43
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	43
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	43
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	43
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	44
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	44
Điều 49. Năm tài chính	44
Điều 50. Chế độ kế toán.....	44
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	45
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	45
Điều 52. Báo cáo thường niên và Báo cáo tình hình quản trị công ty	46
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	46
Điều 53. Kiểm toán.....	46
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	46
Điều 54. Con dấu	46
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	47
Điều 55. Chấm dứt hoạt động.....	47
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	47
Điều 57. Thanh lý	47
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	48
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	48
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	48
Điều 59. Điều lệ Tổng công ty	48
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	48
Điều 60. Ngày hiệu lực	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - d) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - f) "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - g) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính/Trưởng phòng tài chính, Trưởng phòng kế toán/Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ và người điều hành khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo Điều lệ Tổng công ty;
 - h) "Người nội bộ" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính/Trưởng phòng tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và thành viên Ủy ban Kiểm toán (Kiểm soát viên), thành viên Ban Kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
 - i) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty; "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - j) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - k) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

- l) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
 - m) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - o) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - p) "RCC" là tên viết tắt của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt.
 - q) "Công ty con" là bất kỳ công ty nào mà trong đó RCC sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc Tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành hoặc có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc có quyền quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ công ty đó.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

- 1. Tên Tổng công ty
Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt
Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Anh: Railway Construction Corporation Joint - Stock Company
Tên Tổng công ty viết tắt: RCC
- 2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:
Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà số 33 - đường Láng Hạ - phường Thành Công - quận Ba Đình - thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.35145.715
Fax: 024.35145.671
E-mail: contact@rccgroup.vn
Website: rccgroup.vn
- 4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Tổng giám đốc.

2. Quyền hạn của người đại diện theo pháp luật.

a) Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đại diện theo từng lĩnh vực được phụ trách hoặc điều hành trực tiếp theo Quy định về Thẩm quyền phê duyệt do Hội đồng quản trị ban hành.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm theo từng lĩnh vực được phụ trách hoặc điều hành trực tiếp theo Quy định về Thẩm quyền phê duyệt do Hội đồng quản trị ban hành.

4. Người đại diện theo pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

4. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường sắt	4912
2	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
4	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321
	Chi tiết: Thi công các công trình thông tin, tín hiệu, điện.	
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đại lý dịch vụ bán vé tàu lửa	5221
7	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
	Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm bê tông. - Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.	
8	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.	1629
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
	Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải. - Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt. (Không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.)	
11	Bán buôn kim loại và quặng kim loại.	4662
	Chi tiết: Xuất nhập khẩu sắt, thép các loại	
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
	Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng - Mua bán vật liệu xây dựng	
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa đâu vào đâu.	4669
	Chi tiết: - Mua, bán hàng hóa phế phẩm và phế liệu (trừ phế liệu Nhà nước cấm). - Xuất nhập khẩu sản phẩm bê tông. - Xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm). - Mua bán phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp. (Không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.)	

14	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day huyệt, ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)	9610
15	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke. Không kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam).	7990
16	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.	4932
17	Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rên, dạp, ép, cắt tạo thành sản phẩm.	2511
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ.	7110
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp.	7730
20	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi.	4290
21	Phá dỡ	4311
22	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng). Loại trừ: dịch vụ nổ mìn	4312
23	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng công trình: cầu đường, dân dụng và công nghiệp. - Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình)	7020
24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
25	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh.	0810
26	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống	5510
27	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng; thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu.	7120
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc di thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc di thuê. (Không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810

29	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: - Thiết kế các công trình giao thông. - Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Các dịch vụ về kiến trúc xây dựng.	7410
30	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Xây dựng công trình, đường ống, cấp, thoát nước	4322
31	Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Mua bán và đại lý hàng hóa (Không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.)	4610
32	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: bốc xếp hàng hóa, hoạt động kho bãi.	5210
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
34	+ <i>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ</i>	421
35	+ <i>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</i> Chi tiết: Dịch vụ giáo dục đào tạo, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động	8559
36	+ <i>Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác</i>	7729
37	+ <i>Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác</i>	8129
38	+ <i>Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú</i>	9620
39	+ <i>Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác</i>	8219
40	+ <i>Cho thuê xe có động cơ</i>	7710
41	+ <i>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</i>	5610
42	+ <i>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...)</i>	5621
43	+ <i>Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</i>	4931

5. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

1. Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 320.647.490.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.064.749 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

a) Tổng công ty thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Tổng công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu trong các trường hợp sau: mua lại cổ phiếu của chính mình theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại để giảm vốn điều lệ, mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.

b) Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp sau: mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu

để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

a) Cổ phiếu của Tổng công ty được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và được đăng ký giao dịch (hoặc niêm yết khi đủ điều kiện) trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Người sở hữu cổ phần thực hiện chuyển nhượng cổ phần theo quy định về giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam hoặc công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam tổ chức.

b) Trường hợp cổ phiếu của Tổng công ty hủy đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hủy đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, người sở hữu cổ phần thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần tại Tổng công ty như sau: trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ

phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b) Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
- h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Quyền được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Cổ đông có quyền được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty; nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án, Trọng tài đình chỉ thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết nói trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;
- c) Yêu cầu Ủy ban Kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 9% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty;

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa ($1/2$) trở lên so với số đầu kỳ;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có), thành viên Ủy ban Kiểm toán ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba ($1/3$) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e) Theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ủy ban Kiểm toán còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

i) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

j) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

k) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

l) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

n) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

o) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

q) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

r) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên người được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu

đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có

quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có);
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5 % cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch hoặc các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- c) Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế đại hội.

13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

14. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy chế nội bộ về Quản trị công ty quy định cụ thể về hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm cả các vấn đề tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, thay đổi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, tổ chức lại, giải thể Tổng công ty, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được

kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

5. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được:

a) Số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành đối với các vấn đề tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này.

b) Số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành đối với các vấn đề tại khoản 4 Điều này.

c) Số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua đối với các vấn đề tại khoản 5 Điều này.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông

là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

- a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

6. Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

7. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban Kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

8. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

9. Biên bản kiểm phiếu phải đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Phụ lục kèm theo (nếu có) phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ

đồng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các phụ lục đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông khác (nếu có) và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của Tổng công ty

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

f) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

g) Trình độ học vấn;

h) Trình độ chuyên môn;

i) Quá trình công tác;

j) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

k) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

l) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

m) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

n) Các thông tin khác (nếu có).

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Từ 09% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;

b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

d) Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

e) Từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên;

Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử

viên. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị bảo đảm quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; cử người đại diện theo ủy

quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- d) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;
- e) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;
- h) Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty.
- i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- k) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- p) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;
- b) Thành lập các công ty con của Tổng công ty;
- c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;
- d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;
- e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
- f) Các khoản đầu tư theo quy chế nội bộ của Tổng công ty;
- g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới

tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bầu một (01) phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; ký quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền bằng văn bản và Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị sự vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ.

5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số các thành viên còn lại để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị với tỉ lệ tán thành trên 50% tổng số thành viên tham gia bầu.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ủy ban Kiểm toán;
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

8. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

12. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

14. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

d) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị

được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

16. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

17. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

18. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Người phụ trách quản trị Tổng công ty là người thực hiện công tác quản trị công ty tại Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban Kiểm toán;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Tổng giám đốc không nhất thiết là cổ đông của Tổng công ty

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
- e) Kiến nghị số lượng và người điều hành mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành để Hội đồng quản trị quyết định;
- f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g) Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng phòng ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng Công ty.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng phòng ban chuyên môn nghiệp vụ trong Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính.
 - a) Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc; thực hiện các công việc được Tổng giám đốc phân công hoặc được ủy quyền theo Hợp đồng lao động và tự chịu trách nhiệm của mình trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.
 - b) Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 55 Luật Kế toán, các quy định pháp luật liên quan và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.
 - c) Trưởng phòng Tài chính chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc tham mưu, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung và dài hạn, nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề tài chính khác của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng phòng ban chuyên môn nghiệp vụ khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm người khác thay thế.

CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 37. Tiêu chuẩn, điều kiện và bổ nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Tổng công ty
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Ủy ban Kiểm toán có thể thành lập các phòng, bộ phận giúp việc trực thuộc phụ trách về hoạt động kiểm soát và kiểm toán nội bộ. Việc thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ phải phù hợp với Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019, các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại mục e khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;

5. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý Tổng công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Tổng công ty;
 - f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty;
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
 - h) Các nội dung khác (nếu có).

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty

đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được

tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, gửi và công bố như sau:

a) Tổng công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và gửi Báo cáo tài chính năm cho cơ quan Thuế có thẩm quyền, cơ quan Đăng ký kinh doanh, cơ quan Thống kê, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

b) Trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng công ty phải gửi Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan Thuế có thẩm quyền, cơ quan Đăng ký kinh doanh, cơ quan Thống kê.

c) Trường hợp gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông, trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng công ty phải gửi Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan Thuế có thẩm quyền, cơ quan Đăng ký kinh doanh, cơ quan Thống kê.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính và báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các cổ đông là tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên và Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này (nếu có) và công bố trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Tổng công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này (nếu có) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 54. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Tổng công ty.

2. Dấu của Tổng công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng con dấu của Tổng công ty trong các giao dịch theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy chế do Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Tổng công ty có dấu ban hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Tổng công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024

tại trụ sở Tổng công ty - Tòa nhà số 33 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục 1: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/CCCD/GCN ĐKDN	Số cổ phần, tỉ lệ sở hữu tại thời điểm thành lập (*)	Số cổ phần, tỉ lệ sở hữu tại thời điểm thông qua Điều lệ này
1	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	118 đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	0100105052 cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 17/04/2020 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	425.224 cổ phần, tỉ lệ 62,93%	0 cổ phần, tỉ lệ 0%
2	Các cổ đông khác			250.495 cổ phần, tỉ lệ 37,07%	32.064.749 cổ phần, tỉ lệ 100%
TỔNG CỘNG				675.719 cổ phần, tỉ lệ 100%	32.064.749 cổ phần, tỉ lệ 100%

(*) Tại thời điểm thành lập, mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hà Nội, tháng 04 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2024/NQ-CTĐS-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2024.

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt;

Căn cứ vào nghị quyết số 01/2024/NQ-CTĐS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;

- Lưu Phòng TCHC, VPĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tạ Hữu Diễn

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**
*(Ban hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2024/NQ-CTĐS-HĐQT
ngày 26 tháng 4 năm 2024)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Căn cứ pháp lý, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Tổng công ty, đảm bảo cho Tổng công ty hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các chuẩn mực, thông lệ tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

3. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong tổ chức của Tổng công ty bao gồm: Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban bộ phận, đơn vị, cá nhân liên quan và cổ đông của Tổng công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) “Tổng công ty”: là Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt;
b) “Điều lệ”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Các thuật ngữ đã được định nghĩa theo Điều lệ của Tổng công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này;

d) “Quản trị Tổng công ty”: là hệ thống các quy chế, quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị

Hệ thống quản trị của Tổng công ty được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Minh bạch và hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, và phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý, điều hành và giám sát.
2. Bảo vệ và tạo điều kiện thực hiện quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông.
3. Đảm bảo quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật hay quan hệ hợp đồng quy định, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa Tổng công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và ổn định tài chính cho Tổng công ty.
4. Đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề quan trọng liên quan đến Tổng công ty, bao gồm tình hình tài chính, tình hình hoạt động, sở hữu và quản trị Tổng công ty.
5. Đảm bảo định hướng chiến lược của Tổng công ty, giám sát có hiệu quả công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Tổng công ty và cổ đông.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông, quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.
2. Nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty triệu tập theo quy định tại mục b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 6. Lập danh sách, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp

Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm, nội dung họp mà Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

Điều 7. Thông báo triệu tập họp, chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị,;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có);
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Tổng công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư, hoặc thư điện tử cho Tổng công ty trước thời hạn ghi trong Thư mời họp (hoặc thông báo) Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật pháp có thể ủy quyền cho các cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp của Tổng công ty gửi kèm theo thông báo

hoặc thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân), người đại diện theo pháp luật của tổ chức (trường hợp ủy quyền cho tổ chức).

c) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân (thẻ căn cước) hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào tham dự họp.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Cách thức biểu quyết: trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết:

a) Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu

tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu thông báo trước khi bế mạc cuộc họp.

b) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

c) Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín (bầu cử): Việc kiểm phiếu thực hiện theo Quy chế cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 12. Ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ Tổng công ty, như sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 13. Điều kiện nghị quyết được thông qua

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 14. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa

án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 điều 21 của Điều lệ;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ Tổng công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban Kiểm toán. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được

thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến hoặc hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến trong trường hợp xảy ra: (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố; (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện, không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp; (iii) Hội đồng quản trị xét thấy việc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến, trong điều kiện kỹ thuật cho phép, mang lại lợi ích cao hơn cho các cổ đông. Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây:

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp cho các cổ đông của Tổng công ty hoặc đăng tải các tài liệu này lên website của Tổng công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Theo đó, cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.

Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi và chỉ khi đã kê khai và xác thực tư cách cổ đông. Ban tổ chức đảm bảo rằng quyền truy cập của cổ đông là duy nhất và mỗi cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.

Ban tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho các cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ cổ đông truy cập và tham gia cuộc

hợp.

3. Điều kiện tiến hành.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp trực tiếp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

4. Cách thức bỏ phiếu

Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Tổng công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.

Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, (iii) biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email hoặc số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của cổ đông trước khi niêm phong hòm phiếu để tiến hành kiểm phiếu.

5. Cách thức kiểm phiếu

Tổng công ty sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và (ii) số phiếu mà cổ đông và/hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu); và (iii) số lượng Phiếu biểu quyết mà cổ đông và/hoặc người được ủy quyền dự họp gửi qua bưu điện, thư điện tử và fax.

Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề từ đó xác định kết quả biểu quyết.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Lập và công bố biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Điều 12 của Quy chế này.

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được công bố theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Vai trò, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 27 Điều lệ Tổng công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.
- c) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.
- d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
- e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
- f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty.

i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định và phải đảm bảo có các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

- Các kế hoạch trong tương lai.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty từ Tổng giám đốc và các người điều hành khác của Tổng công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

f) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị; thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

g) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, ngoài trách nhiệm quy định tại mục a, b, c, d, e khoản 4 Điều này, còn có trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của Tổng công ty

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 21. Trình tự, cách thức, thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị:

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng cử viên được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được

công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị như sau:

- a) Từ 09% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;
- b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c) Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d) Từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- e) Từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Danh sách và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị trước khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có

quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 24. Thông báo về miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm hiệu lực của quyết định.

Điều 25. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 26. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Bộ máy điều hành và điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị.

a) Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Tổng công ty để thực hiện chức năng quản trị Tổng công ty.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội

đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để giúp việc theo từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể sử dụng bộ máy điều hành của Tổng công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị và sản xuất kinh doanh.

d) Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Tổng công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

e) Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, Các Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Người quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin và tài liệu theo yêu cầu.

f) Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký duyệt và được hạch toán vào chi phí của Tổng công ty.

2. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, miễn cán, thận trọng vì lợi ích của Tổng công ty và các cổ đông.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ủy ban Kiểm toán;
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời

hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.

5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị

– Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian và địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

– Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

b) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có có ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

c) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

– Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

– Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản

6 Điều này;

– Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

– Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

d) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

e) Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị

– Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết trừ trường hợp Hội đồng quản trị tổ chức họp theo hình thức hội nghị trực tuyến;

– Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty.

f) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

– Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là quyết định.

– Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

6. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có thể chỉ định người đại diện (người được ủy quyền) theo quy định pháp luật Dân sự nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

7. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi biên bản. Biên bản họp được đóng tập và lưu tại Văn phòng Hội đồng quản trị.

b) Biên bản phải được thông qua trước tất cả các thành viên tham dự họp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản hoặc chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp.

c) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm b khoản 7 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt) và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

8. Thông qua nghị quyết và thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

a) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua tại các phiên họp Hội đồng quản trị hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, fax, thư điện tử theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty có hiệu lực ngay sau khi ký ban hành.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết.

c) Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng nơi nhận sau khi ký.

9. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền.

CHƯƠNG IV

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 28. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán, trách nhiệm của thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Tổng công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Tổng công ty;
- b) Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- c) Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- d) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty;
- e) Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- f) Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Tổng công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- g) Giám sát nhằm bảo đảm Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty;
- h) Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
- i) Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
- j) Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- k) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty;
- l) Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- m) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 29. Tiêu chuẩn, điều kiện và bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Tổng công ty

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 30. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Ủy ban Kiểm toán có thể thành lập các phòng, bộ phận giúp việc trực thuộc phụ trách về hoạt động kiểm soát và kiểm toán nội bộ. Việc thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ phải phù hợp với Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019, các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 32. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất hai (2) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 33. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý Tổng công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Tổng công ty;

f) Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

h) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 34. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán

Thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán phải được công bố theo quy định của Luật Chứng khoán, các quy định trong lĩnh vực chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm hiệu lực của quyết định.

Điều 35. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ủy ban Kiểm toán

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Hội đồng quản trị quyết định. Thành viên Ủy ban Kiểm toán được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán hoặc thực thi các hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán.

CHƯƠNG V

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị có thể cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự...

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc được quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị) làm Tổng giám đốc hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc và ký hợp đồng quy định thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
 - b) Không nhất thiết là cổ đông của Tổng công ty.
 - c) Không là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - d) Không là người có quan hệ gia đình với người quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên của Tổng công ty và công ty mẹ của Tổng công ty (nếu có); không là người đại diện phần vốn tại Tổng công ty và công ty mẹ;
 - e) Hiểu biết pháp luật và có đủ sức khỏe để thực hiện công việc, có phẩm chất đạo đức tốt và có uy tín;

6- Tổng giám đốc được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Hội đồng quản trị Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
5. Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc:
 - a) Do nhu cầu công tác và điều kiện sản xuất kinh doanh của Tổng công ty mà Hội đồng quản trị có quyết định điều chuyển, luân chuyển.
 - b) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
 - c) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy chế, vi phạm pháp luật.
 - d) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ

1. Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
2. Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo quy định của Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng kế toán/Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính.
 - a) Phó Tổng giám đốc: giúp việc cho Tổng giám đốc; thực hiện các công việc được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền theo hợp đồng lao động đã ký với Hội

đồng quản trị và tự chịu trách nhiệm của mình trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông, pháp luật.

b) Trưởng phòng kế toán Kế toán Trưởng: theo quy định của Luật Kế toán, các quy định pháp luật liên quan và các quy định nội bộ của Tổng công ty.

c) Trưởng phòng Tài chính: chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, tham mưu, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung và dài hạn, nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề tài chính khác nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính của toàn Tổng công ty.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính

1. Phó Tổng giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, phẩm chất đạo đức, uy tín. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; hiểu biết pháp luật và có đủ sức khỏe để thực hiện công việc, không thuộc đối tượng cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Không nhất thiết là cổ đông của Tổng công ty.

2. Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Tổng công ty:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, phẩm chất đạo đức, uy tín, hiểu biết pháp luật và có đủ sức khỏe để thực hiện công việc, không thuộc đối tượng cấm quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học về Tài chính kế toán và các chứng chỉ liên quan về tài chính kế toán.

c) Có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực tài chính kế toán doanh nghiệp hoặc có ít nhất 2 năm giữ chức phó hoặc trưởng phòng nghiệp vụ tương đương.

d) Không nhất thiết là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 41. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán Trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.

b) Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc căn cứ vào các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.

2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức đối với Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ

a) Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ muốn từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định trong thời gian một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến của Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

b) Miễn nhiệm, bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán Trưởng, Trưởng phòng tài chính và các Trưởng các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ theo hình thức biểu quyết đa số và bổ nhiệm người khác thay thế.

c) Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức đối với Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính và các Trưởng phòng ban chuyên môn nghiệp vụ thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán Trưởng, Trưởng phòng Tài chính

Tổng công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kế toán/ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính của Tổng công ty trong nội bộ Tổng công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm hiệu lực của quyết định.

CHƯƠNG VII

THƯ KÝ, NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Thư ký Tổng công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 44. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm Thư ký Tổng công ty.

- 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
 - c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
- 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
- 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban Kiểm toán;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp; ghi chép biên bản các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII

MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 45. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc để điều hành hoạt động sản xuất thi công hàng ngày của Tổng công ty; bãi nhiệm khi Tổng giám đốc không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị chỉ đạo và giám sát Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Hội đồng quản trị thực hiện khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với Tổng giám đốc một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

4. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty, Tổng giám đốc đề nghị với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Chậm nhất 06 (sáu) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh tháng, quý, năm và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Tổng công ty cho Hội đồng quản trị.

6. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ.

7. Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp theo quy định tại mục b khoản 3 Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì.

9. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người

chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc trưởng/phó Phòng /Ban phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu xét thấy cần thiết).

10. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các bộ quản lý Tổng công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.

11. Tổng giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Tổng công ty để báo cáo Hội đồng quản trị.

12. Trường hợp phát hiện rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

13. Tất cả các tờ trình, văn bản báo cáo Hội đồng quản trị phải thông qua Văn phòng Hội đồng quản trị.

Điều 46. Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban Kiểm toán

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ủy ban Kiểm toán, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ủy ban Kiểm toán, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ủy ban Kiểm toán.

2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán; và có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ủy ban Kiểm toán.

3. Thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm thông báo kịp thời tới Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán, mọi biên bản họp Ủy ban Kiểm toán phải được gửi tới Hội đồng quản trị chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Ủy ban Kiểm toán.

5. Ủy ban Kiểm toán phải kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

6. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ủy ban Kiểm toán thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu.

7. Trên cơ sở các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Tổng công ty có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai phạm để tổ

chức kinh doanh an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

8. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị xem xét tính trung thực của các Báo cáo tài chính; thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

9. Ủy ban Kiểm toán có quyền đề nghị họp Hội đồng quản trị theo quy định tại mục a khoản 3 Điều 27 Điều lệ Tổng công ty, hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại mục e khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

10. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu cụ thể về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

11. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp đồng thời cho Ủy ban Kiểm toán.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác

1. Phân cấp đánh giá

a) Hội đồng quản trị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

b) Tổng giám đốc đánh giá các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

c) Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ủy ban Kiểm toán.

2. Phương thức đánh giá

Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ủy ban Kiểm toán, người quản lý khác của Tổng công ty có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:

a) Tự nhận xét đánh giá;

b) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tin nhiệm;

c) Các thức phù hợp khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

3. Tiêu chí đánh giá

a) Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của bộ phận.

b) Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Tổng công ty, chủ trương, chính sách của Tổng công ty và pháp luật Nhà nước.

c) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tinh trung thực, cầu thị, đoàn kết trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.

d) Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý, việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

e) Khả năng phối hợp với các phòng ban đơn vị nội bộ và các đối tác bên ngoài để giải quyết công việc.

f) Các tiêu chí đánh giá khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

4. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ủy ban Kiểm toán, người quản lý khác của Tổng công ty được phân thành các loại sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 48. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, người quản lý khác của Tổng công ty có thành tích trong công tác quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo các quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng và quy định nội bộ khác của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty.

Điều 49. Kỷ luật

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định pháp luật và quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và các quy định của Tổng công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định tại Điều 604 Điều lệ Tổng công ty

và các quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

CHƯƠNG X

MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÁC DOANH NGHIỆP CỔ CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP VÀ VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 50. Mối quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty TNHH Một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu (sau đây gọi tắt là Đơn vị)

1. Tổng công ty có quyền theo quy định tại Điều 76 Luật Doanh nghiệp, có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 77 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra:

a) Tổng công ty có quyền điều động các loại tài sản của Đơn vị để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;

b) Tổng công ty có quyền tổ chức kiểm tra công tác thực hiện chế độ kế toán của Đơn vị.

2. Công ty TNHH Một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu có nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý và năm đăng ký với Tổng công ty; lập kế hoạch đầu tư tài sản trình Tổng công ty phê duyệt;

b) Thực hiện các công trình, sản phẩm do Tổng công ty trúng thầu và giao lại cho Đơn vị từ khi bàn giao mặt bằng thi công đến khi kết thúc bảo hành công trình, sản phẩm... và lưu giữ hồ sơ theo quy định của pháp luật;

c) Khi được uỷ quyền bằng văn bản, Đơn vị được quyền ký kết các hợp đồng, liên kết mở rộng sản xuất, dịch vụ với các đối tác theo đúng quy định của Tổng công ty và pháp luật nhà nước.

d) Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty;

e) Trường hợp huy động vốn, Đơn vị phải báo cáo và được Tổng công ty chấp thuận bằng văn bản theo đúng quy định của Tổng công ty;

f) Báo cáo tình trạng của tài sản thanh lý, lập kế hoạch thanh lý tài sản trình Tổng công ty xem xét, quyết định;

g) Thành lập các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trực thuộc để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Đơn vị và phải được Tổng công ty chấp thuận;

h) Đề xuất với Tổng công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Đơn vị;

i) Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Đơn vị trên cơ sở Điều lệ, Quy chế quản trị của Tổng công ty;

j) Lập kế hoạch sử dụng, đào tạo lao động hàng năm của Đơn vị trình Tổng công ty phê duyệt.

k) Lập kế hoạch quỹ tiền lương hàng năm của Đơn vị, trình Tổng công ty phê duyệt;

l) Tổ chức thi, xét và quyết định nâng bậc lương cho người lao động hàng năm theo quy định của Nhà nước và của công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Tổng công ty;

m) Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và gửi báo cáo tài chính về Tổng công ty và các cơ quan chức năng;

n) Thực hiện thanh, quyết toán hợp đồng kinh tế với Tổng công ty dựa trên:

- Hợp đồng giao nhận thầu xây lắp giữa Tổng công ty và Đơn vị;
- Khối lượng xây lắp hoàn thành của các công trình, hạng mục công trình, sản phẩm do Đơn vị thi công phải được chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu thanh, quyết toán;

- Giá trị bị giảm trừ do kiểm toán xuất toán thuộc công trình, hạng mục do Đơn vị thi công;

o) Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty về các biến động bất thường về tài chính, tài sản và các sự cố khác của Đơn vị.

3. Công ty TNHH Một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu có quyền sau:

a) Trình Hội đồng quản trị Tổng công ty kế hoạch thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Đơn vị tại Việt Nam và nước ngoài theo quy định của Pháp luật;

b) Đề xuất số lượng phòng, ban nghiệp vụ cơ quan, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Đơn vị;

c) Đề xuất Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm nhiệm đối với các danh: Chủ tịch, Giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng Tài chính kế toán, Kiểm soát viên của Đơn vị (nếu có);

d) Đề xuất kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh của Đơn vị, thực hiện kế hoạch khi được Tổng công ty phê duyệt;

- e) Đề xuất mức trích khấu hao trình Tổng công ty phê duyệt;
- f) Sử dụng lợi nhuận sau thuế theo quy chế quản lý tài chính và quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty ;

4. Công ty TNHH Một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu có nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ các quy chế nội bộ do Tổng công ty ban hành;
- b) Thực hiện kế hoạch được Tổng công ty giao;
- c) Điều chuyển lợi nhuận sau thuế hàng năm của Đơn vị theo quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty.
- d) Trả chi phí quản lý thông qua hợp đồng kinh tế giữa Tổng công ty và Đơn vị đối với những dự án, công trình, gói thầu do Đơn vị đấu thầu, trúng thầu nhưng phải thuê Tổng công ty điều hành thi công.;

5. Khen thưởng và kỷ luật:

- a) Đơn vị thành viên hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm thì được xem xét khen thưởng;
- b) Đơn vị không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm thì theo mức độ để xem xét kỷ luật hành chính đối với Chủ tịch, Giám đốc;
- c) Trường hợp hai (2) năm liên Đơn vị không đạt chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận thì Tổng giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét, xử lý kỷ luật và có thể quyết định thay thế Chủ tịch, Giám đốc của đơn vị đó.

Điều 51. Mỗi quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty con do Tổng công ty nắm giữ dưới 100% tỉ lệ sở hữu, với Công ty liên kết, với Công ty do Tổng công ty nắm giữ dưới 20% tỉ lệ sở hữu

1. Tổng công ty có quyền:

- a) Theo quy định tại Điều 49 Luật Doanh nghiệp trường hợp Tổng công ty là thành viên Hội đồng thành viên.
- b) Theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp Tổng công ty là cổ đông trong công ty cổ phần.

2. Tổng công ty có nghĩa vụ:

- a) Theo quy định tại Điều 50 Luật Doanh nghiệp trường hợp Tổng công ty là thành viên Hội đồng thành viên.
- b) Theo quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp Tổng công ty là cổ đông trong công ty cổ phần.

3. Trường hợp là thành viên góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này, Tổng công ty có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật

Doanh nghiệp; trường hợp là cổ đông sáng lập, ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này, Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

4. Tổng công ty cử người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp. Thủ tục cử người đại diện theo ủy quyền, điều kiện, quyền hạn, nghĩa vụ, cơ chế thông tin liên lạc, đánh giá người đại diện theo ủy quyền được thực hiện theo quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Điều 52. Mọi quan hệ giữa Tổng công ty với các đơn vị phụ thuộc

1. Mọi quan hệ với Chi nhánh - Xí nghiệp thành viên

a) Chi nhánh – Xí nghiệp thành viên (gọi tắt là Chi nhánh) là đơn vị phụ thuộc, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập.

b) Chi nhánh thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Tổng công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh do Tổng công ty quy định, phù hợp ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty.

c) Chi nhánh thực hiện chế độ hạch toán theo quyết định của Tổng công ty, được mở tài khoản tại ngân hàng, có trụ sở, con dấu riêng và được Tổng công ty giao một lượng vốn, tài sản để hoạt động theo phân cấp của Tổng công ty.

d) Chi nhánh có nhiệm vụ đối với Tổng công ty tương tự như nhiệm vụ của Công ty TNHH Một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu ngoại trừ quy định tại điểm g, h khoản 2 Điều 50 Quy chế này.

2. Mọi quan hệ với Văn phòng Đại diện

a) Văn phòng Đại diện Tổng công ty là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định thành lập, bổ nhiệm Trưởng Văn phòng đại diện; Tổng giám đốc tuyển dụng và bổ nhiệm nhân viên nghiệp vụ làm việc tại các Văn phòng đại diện.

b) Văn phòng đại diện có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Tổng công ty và thực hiện việc bảo vệ các lợi ích đó;

c) Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt Quy định về tổ chức và hoạt động của Văn phòng đại diện.

CHƯƠNG XI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình

hình quản trị Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra Tổng công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 54. Công bố thông tin của Tổng công ty

1. Tổng công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Để cử ít nhất một cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin. Cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
- b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Tổng công ty theo quy định;
- d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Tổng công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG XII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và người quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, người quản lý khác và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Tổng công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân

kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, người quản lý khác và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp quyền và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, người quản lý khác hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

Điều 56. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng công ty ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty. Tổng công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

4. Tổng công ty được thực hiện giao dịch hàng hóa, dịch vụ với các công ty con, công ty liên kết và các công ty trong cùng tập đoàn. Tổng công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con, công ty liên kết nếu không có quyết định.

Điều 57. Đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

1. Tổng công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

2. Tổng công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc.

Tổng công ty tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG XIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 58. Báo cáo

Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Tổng công ty theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 59. Giám sát

Các đơn vị, cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Tổng công ty chịu sự giám sát về quản trị Tổng công ty của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Xử lý vi phạm

Trường hợp các đơn vị, cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Tổng công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của Tổng công ty và Pháp luật về doanh nghiệp.

CHƯƠNG XIV

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 61. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 14 Chương, 61 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

2. Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban Kiểm toán, Trưởng các phòng ban, Giám đốc đơn vị, Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các công ty thành viên, các cổ đông, cán bộ nhân viên trong toàn Tổng công ty, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Tổng công ty.

4. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị Tổng công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty, Hội đồng quản trị có thể họp xem xét quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông kỳ gần nhất.

5. Trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa đề cập trong Quy chế này, hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Tạ Hữu Diễn

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Nội, tháng 4 năm 2024

Số: 10/2024/NQ-CTĐS-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt;

Căn cứ vào nghị quyết số 01/2024/NQ-CTĐS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này ./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;

- Lưu Phòng TCHC, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tạ Hữu Diễn

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số :10/2024/NQ-CTĐS-HĐQT
Ngày 26 tháng 04 năm 2024)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn và nghĩa vụ Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công việc nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (viết tắt là Tổng công ty) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Vị trí, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị; phó Chủ tịch; và các thành viên. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên làm Tổng giám đốc. Việc phân công các thành viên phụ thuộc vào tình hình hoạt động của Tổng công ty trong từng thời kỳ. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Tổng công ty. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
- Hội đồng quản trị phân công ít nhất một thành viên chuyên trách để giám sát các hoạt động hàng ngày của Tổng công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình trước Hội đồng quản trị và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Tổng công ty, giám sát các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, các trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ, người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty, Giám đốc các công ty thành viên, trưởng chi nhánh, văn phòng đại diện và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Hội đồng quản trị phân công.

Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác có vốn góp của Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Tiền lương hàng tháng cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (nếu có) được trả theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Tiền thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được trả theo mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí hội họp, công tác, tìm kiếm thị trường nhưng phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trên nguyên tắc đảm bảo thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm.

7. Các chế độ khác đối với thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định chung của Tổng công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi, do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với từng thời kỳ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ hoặc đã từng là thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty 02 nhiệm kỳ liên tục liền trước thời điểm bầu;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát, theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Tổng công ty, khoản 3 và khoản 4 Điều 19 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy định về thẩm quyền phê duyệt do Hội đồng quản trị ban hành.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Quyền hạn và nghĩa vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Được quy định tại khoản 4 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 12. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g) Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo các thủ tục được quy định, hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Hội đồng quản trị chấp thuận giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a, c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban như tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị khác nhưng vẫn phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Lao động.

2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên không điều hành giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 18. Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Văn phòng Hội đồng quản trị là một bộ phận giúp việc cho Hội đồng quản trị và Cơ cấu nhân sự gồm Trưởng văn phòng Hội đồng quản trị phụ trách chung do Hội đồng quản trị quyết định và các nhân sự khác chịu trách nhiệm xử lý các văn bản gửi đến Hội đồng quản trị và văn bản của Hội đồng quản trị trước khi ban hành, tham mưu kế hoạch kinh doanh, dự án, công tác đầu thầu, nghiệp vụ tài chính kế toán và kỹ thuật thi công.

2. Nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị

a) Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Chuẩn bị tài liệu Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông và chuyển tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt cho Phòng Tổ chức - Hành chính để đăng tải tại trang thông tin điện tử của Tổng công ty, PO8 và gửi cho các cổ đông.

b) Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, lập biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị; tổ chức phổ biến, truyền đạt các nghị quyết, quyết định, thông báo đã được ban hành của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

c) Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển của Tổng công ty; Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lập, triển khai các kế hoạch và đề xuất các giải pháp thực hiện công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

d) Làm đầu mối liên lạc giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Ban điều hành dự án, các phòng ban cơ quan Tổng công ty, các đơn vị thành viên và ngược lại; Phối hợp xây dựng và đăng ký lịch làm việc, lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách khác; Thực hiện việc ghi chép các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông báo những lưu ý quan trọng cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

e) Tham mưu hồ sơ công việc trình Chủ tịch Hội đồng quản trị và theo dõi tiến độ thực hiện phê duyệt, các vấn đề có liên quan.

f) Tiếp nhận, xử lý và trình ký văn bản của Hội đồng quản trị:

- Đối với các văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc do các bộ phận phòng ban chuyển đến, Văn phòng Hội đồng quản trị chuyển sang cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. Sau khi có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển các tài liệu đến thành viên Hội đồng quản trị, thông báo cho Phòng Tổ chức - Hành chính trả tài liệu cho các phòng ban đơn vị liên quan thực hiện.

- Đối với văn bản, tài liệu gửi đi của chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện theo quy định về Công tác văn thư lưu trữ của Tổng công ty. Việc lưu trữ văn bản, tài liệu của Hội đồng quản trị được thực hiện tại bộ phận văn thư – Phòng Tổ chức - Hành chính và Văn phòng Hội đồng quản trị Tổng công ty.

g) Lập kế hoạch công tác trong nước và ngoài nước cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách khác; Dự thảo nội dung công tác và các bài phát biểu, diễn văn cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính trong việc trang bị và quản lý các tài sản, công cụ và phương tiện làm việc (văn phòng phẩm, vật phẩm, báo chí...) của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách khác. Thực hiện thủ tục thanh toán chi phí đối ngoại cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).

i) Đôn đốc, nhắc nhở các Phòng/Ban/Đơn vị liên quan thực hiện công tác báo cáo đầy đủ và đúng thời hạn; Đôn đốc và cập nhật tiến độ thực hiện các công việc của các Phòng/Ban/Đơn vị liên quan.

j) Tiếp nhận, kiểm tra và đề xuất ý kiến về tính phù hợp của các tài liệu, văn bản chứng từ liên quan đến công tác tài chính, các hợp đồng kinh tế và các văn bản pháp lý của Tổng công ty trước khi trình Chủ tịch Hội đồng quản trị;

3. Quyền hạn của Văn phòng Hội đồng quản trị

a) Liên hệ, giám sát, yêu cầu phối hợp, cung cấp hồ sơ, tài liệu đối với các Phòng/Ban/Đơn vị có liên quan nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Đề xuất với Hội đồng quản trị và các bộ phận liên quan về các giải pháp thực hiện để đạt mục tiêu và hiệu quả.

c) Liên hệ, trao đổi công việc hoặc chuyển tải thông tin cho các Phòng/Ban/Đơn vị có liên quan để thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

d) Góp ý, chỉnh sửa về mặt hình thức, nội dung đối với các văn bản, hồ sơ của các Phòng/Ban/Đơn vị có liên quan trước khi trình ký Ban Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

e) Phân công nhiệm vụ, tổ chức các công việc thuộc nhiệm vụ, chuyên môn của chuyên viên trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Chương IV: CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp mỗi quý ít nhất một lần.
3. Trường hợp cần thiết, vì lợi ích của Tổng công ty hoặc những vấn đề cấp bách cần bàn thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu một trong số các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người triệu tập và chủ tọa tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người triệu tập và chủ tọa cuộc họp.

Điều 20. Chương trình làm việc và nội dung họp của Hội đồng quản trị

1. Chương trình làm việc của Hội đồng quản trị do các thành viên thảo luận, quyết định tại các cuộc họp thường kỳ; Căn cứ chương trình chung, chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị sắp xếp cho phù hợp với lịch công tác trong tuần, tháng của Tổng công ty.
2. Nội dung của cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ:
 - a) Tổng giám đốc báo cáo tình hình kết quả sản xuất kinh doanh, đời sống xã hội, những đề xuất kiến nghị (nếu có) và việc thực hiện triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo kết quả giải quyết công việc giữa 2 kỳ họp, đưa ra những định hướng, chủ trương, những nội dung cần thảo luận và biểu quyết.
 - c) Hội đồng quản trị thảo luận các nội dung được nêu, đồng thời giải quyết các vấn đề khác của thành viên Hội đồng quản trị chưa được nêu trong chương trình nghị sự (nếu có).
 - d) Kết luận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp.
3. Đối với các cuộc họp đột xuất để giải quyết và xử lý công việc hay những vấn đề có tính chất cấp bách phát sinh hoặc những vấn đề khó khăn ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty, thì người đề nghị họp đột xuất chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung hoặc phân công giao nhiệm vụ cho các phòng ban đơn vị chuẩn bị nội dung và tài liệu liên quan cho cuộc họp.
4. Hình thức và các nội dung biểu quyết của Hội đồng quản trị:
 - a) Bảng hình thức phát biểu hoặc bỏ phiếu kín (nếu cần thiết). Căn cứ các ý kiến và kết quả biểu quyết của đa số thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa buổi họp kết luận từng nội dung của buổi họp đã ghi biên bản.
 - b) Lấy ý kiến bằng văn bản:

Căn cứ ý kiến của đa số (trên 50% thành viên đồng ý) cho nội dung lấy ý kiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết hoặc Quyết định để triển khai thực hiện.

Những quyết định trong nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ phải được Hội đồng quản trị thông qua với đa số phiếu biểu quyết:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Hội đồng quản trị thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;
- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể trong Toàn công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay bất kỳ các bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Tổng công ty nếu Hội đồng quản trị cho là vì lợi ích của Tổng công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng lao động của những người bị bãi nhiệm, nếu có; bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo mời họp, thời hạn gửi thông báo mời họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, cách thức biểu quyết và các quy định khác về cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty (*Phụ lục 1: Quy trình tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị*)

2. Trường hợp cuộc họp có đủ 100% các thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc người được ủy quyền tham dự, cuộc họp sẽ được coi là hợp lệ không phụ thuộc vào thời hạn gửi thông báo mời họp.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

a) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

b) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, bộ phận văn thư cho phiếu biểu quyết vào phong bì kín và chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị theo phương thức như gửi phiếu qua thư.

c) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư điện tử, thành viên Hội đồng quản trị đăng ký email với Văn phòng Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết được gửi từ địa chỉ email đã đăng ký được coi là hợp lệ khi được gửi tới địa chỉ email của Văn phòng Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước thời điểm khai mạc. Văn phòng Hội đồng quản trị sẽ công bố kết quả biểu quyết trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm giành thời gian nghiên cứu trước tài liệu (nếu có), tham dự họp đúng giờ, đúng thời lượng đã thông báo của từng buổi họp. Việc ấn định thời lượng của buổi họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào nội dung và khối lượng công việc cần giải quyết trong cuộc họp.

Điều 22. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Căn cứ nội dung, kết luận của Hội đồng quản trị được ghi trong Biên bản cuộc họp hoặc biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên (khi sử dụng phiếu xin ý kiến), Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết, quyết định có liên quan và gửi các thành viên Hội đồng quản trị và các phòng ban đơn vị có liên quan trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm ký.

Điều 23. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các nội dung cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải có Biên bản cuộc họp. Biên bản họp được lưu tại Văn phòng Hội đồng quản trị Tổng công ty.

2. Biên bản họp phải được thông qua trước tất cả các thành viên tham gia dự họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận, biểu quyết;
- f) Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên đối với các vấn đề được thảo luận theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký hoặc chữ ký của tất cả các thành viên khác tham gia dự họp.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản (thư ký) từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

4. Thông báo và công bố thông tin (nếu có) nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị thông báo công khai nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đến các Phòng ban, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan.

b) Các thông báo về nội dung kết luận cuộc họp Hội đồng quản trị (nếu có) không được trái với Biên bản cuộc họp đã được các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua.

c) Đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin đối với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định.

Điều 24. Tài liệu Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Hội đồng quản trị chuẩn bị, tập hợp tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm các tài liệu sau:

1. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán;
5. Tờ trình về đề xuất mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
6. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
7. Tờ trình về tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
8. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;

4. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán;

5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

6. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 26. Đánh giá và đào tạo thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm đăng ký tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận

Chương V: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 28. Mối quan hệ với Tổng giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 29. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp, theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

4. Ủy ban Kiểm toán được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

5. Công ty phải đảm bảo gửi thông tin đến Ủy ban Kiểm toán cùng một thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trước khi gửi báo cáo đến Đại hội cổ đông, Ủy ban Kiểm toán gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị tham khảo và có ý kiến.

7. Trong trường hợp Ủy ban Kiểm toán có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị có quyền báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Mối quan hệ với Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác

1. Hội đồng quản trị nhân danh Tổng công ty tham gia quản lý các doanh nghiệp khác có phần vốn góp của Tổng công ty thông qua người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đó.

2. Hội đồng quản trị quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

4. Hội đồng quản trị thay mặt Tổng công ty có thể giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch bằng văn bản cho người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

5. Hội đồng quản trị phân công các thành viên chuyên trách theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện. Việc theo dõi này phải đảm bảo nguyên tắc không can thiệp vào công tác điều hành của các cán bộ quản lý cũng như hoạt động của các bộ phận này.

6. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu những người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty báo cáo về tình hình hoạt động của mình trong năm tài chính.

Điều 31. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và tổ chức chính trị xã hội

1. Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ và điều lệ của các tổ chức này tại Tổng công ty theo luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và vật chất ... để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội tại Tổng công ty.

Chương VI: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Vị trí pháp lý

Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật thứ hai của Tổng công ty, chịu trách nhiệm điều hành chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoại trừ nội dung thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị được ghi ở Điều 9 của Quy chế này.

Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc thực hiện lập kế hoạch kinh doanh hàng quý, 06 tháng, năm (Bao gồm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tài chính, đầu tư, nhân sự...) trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn lập phương án kinh doanh, phương án tài chính và tính toán hiệu quả của các công trình tham gia đấu thầu và nhận thầu, phương án đầu tư tài sản, đề án cơ cấu vốn, cơ chế khoán cho các đơn vị thành viên, cơ cấu tổ chức nhân sự trình Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi triển khai.

3. Đề xuất lương, thưởng của cán bộ công nhân viên trong tổng công ty theo quy chế trả lương, dùng Khả năng - Công hiến - Hiệu quả công việc của từng cá nhân. Chủ trì công tác tổ chức thi đua khen thưởng của Tổng công ty.

4. Thực hiện triển khai, cụ thể hóa các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã thông qua theo phân quyền nhiệm vụ. Chỉ đạo các phòng ban cơ quan Tổng công ty, các Ban điều hành, các Đơn vị thành viên theo chức năng nhiệm vụ để đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

5. Cung cấp, hoặc chỉ đạo các phòng ban, đơn vị cung cấp, hồ sơ tài liệu, thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán khi có yêu cầu. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, phương tiện để các Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định.

6. Tổng giám đốc là người công bố thông tin của Tổng công ty.

7. Ký các hợp đồng, văn bản khi được sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc theo quy định nội bộ về thẩm quyền phê duyệt.

Điều 34. Biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc đối với các nội dung thuộc quyền hạn và nhiệm vụ Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc không tham gia biểu quyết đối với các nội dung thuộc quyền hạn và nhiệm vụ Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Chương VII: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH VÀ NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 35. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ủy ban Kiểm toán để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 điều này, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 36. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 37. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 37 Quy chế này, của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Hội đồng quản trị Tổng công ty thông qua nghị quyết hoặc trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết để làm cơ sở thực hiện ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty. Tổng công ty không được cấp các những khoản đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và người liên quan.

Điều 40. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định trên cơ sở tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty và đưa ra quyết định.

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên.

3. Hội đồng quản trị Tổng công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Tổng công ty.

Chương VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 41. Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Bộ máy quản lý với lợi ích lâu dài của Tổng công ty và cổ đông. Các chi số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chi tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

Điều 42. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

3. Các hình thức khen: do Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại từng thời điểm.

4. Hình thức thưởng:

a) Bằng tiền;

b) Bằng cổ phiếu theo phương thức tùy chọn.

Điều 43. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổn phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 44. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian ba (03) năm trước.

b) Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị.

c) Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

2. Thông báo về miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị, các nghị quyết, quyết định thuộc đối tượng phải công bố thông tin phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm ký ban hành.

Chương X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Công bố, kiểm tra và báo cáo kết quả

1. Các văn bản ban hành của Hội đồng quản trị được công bố trên mạng PO8 để Ban điều hành, các đơn vị, các phòng ban nội bộ liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các đối tượng phải thi hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cũng là đối tượng chịu sự kiểm tra giám sát của Hội đồng quản trị về việc tổ chức thực hiện văn bản này. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu, các đối tượng thi hành có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các biện pháp thực hiện (nếu có).

Điều 46. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý phòng ban, Các đơn vị thành viên trong toàn Tổng công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế này. Ủy ban Kiểm toán kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Tổng công ty.

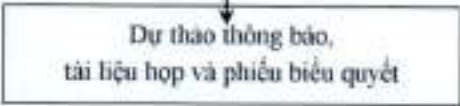
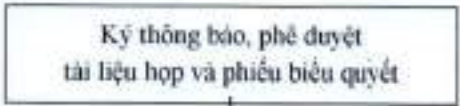
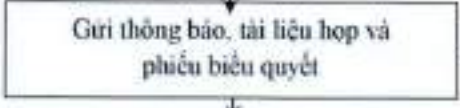
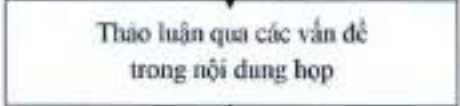
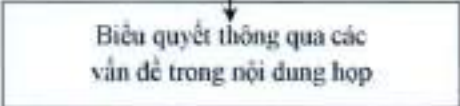
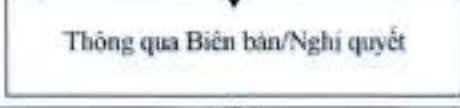
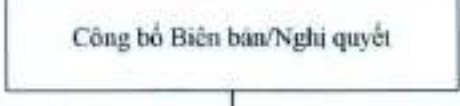
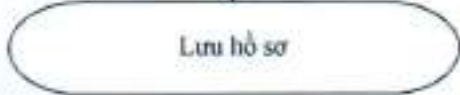
2. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải bổ sung, sửa đổi nội dung quy chế này, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và đơn vị thành viên phản ánh bằng văn bản cho Văn phòng Hội đồng quản trị của Tổng công ty để trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Tạ Hữu Diễn

Phụ lục 1: Quy trình tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

TT	Lưu đồ	Trách nhiệm	Mẫu biểu
1		Chủ tịch HĐQT hoặc các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ	
2		Thư ký	BM02-HĐQT BM03-HĐQT BM04-HĐQT
3		Chủ tịch HĐQT hoặc các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ	
4		Thư ký	
5		Thư ký	
6		Các thành viên dự họp	
7		Các thành viên dự họp/gửi phiếu biểu quyết	
8		Chủ tịch	
9		Các thành viên dự họp/gửi phiếu biểu quyết	BM05-HĐQT BM06-HĐQT
10		Thư ký/Người thực hiện CBTT	
11		Người thực hiện CBTT	
12		Thư ký	

Diễn giải quy trình

1. Triệu tập họp HĐQT

Chủ tịch HĐQT hoặc các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty ra quyết định triệu tập họp HĐQT

2. Dự thảo thông báo, tài liệu họp và phiếu biểu quyết

Thư ký dự thảo thông báo, tài liệu họp và phiếu biểu quyết theo nội dung các đối tượng triệu tập họp HĐQT đưa ra.

3. Ký thông báo, phê duyệt tài liệu họp và phiếu biểu quyết

Các đối tượng triệu tập họp HĐQT ký thông báo, phê duyệt tài liệu họp và phiếu biểu quyết do Thư ký soạn thảo.

4. Gửi thông báo, tài liệu họp và phiếu biểu quyết

Thư ký gửi thông báo, tài liệu họp và phiếu biểu quyết tới địa chỉ đăng ký của các thành viên HĐQT theo thông tin đã đăng ký.

5. Kiểm tra điều kiện họp

Tại thời gian bắt đầu cuộc họp theo thông báo, thư ký kiểm tra điều kiện tiến hành cuộc họp đối với các lần triệu tập họp.

6. Thảo luận qua các vấn đề trong nội dung họp

Cuộc họp đủ điều kiện tiến hành, Chủ tọa sẽ điều khiển cuộc họp theo quy định

7. Biểu quyết thông qua các vấn đề trong nội dung họp

Sau khi các thành viên dự họp thảo luận các vấn đề được nêu ra trong nội dung cuộc họp, Chủ tọa tiến hành xin ý kiến biểu quyết của các thành viên dự họp.

Đối với các thành viên không dự họp trực tiếp và gửi phiếu biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến, Chủ tọa sẽ thông báo ý kiến của thành viên gửi phiếu sau khi các thành viên dự họp đã tiến hành biểu quyết.

Đối với các nội dung nêu ra tại cuộc họp không nằm trong các nội dung xin ý kiến đã được gửi trước cho các thành viên mà được các thành viên dự họp thông qua, các thành viên gửi phiếu biểu quyết được tính là không tham gia biểu quyết và không được tính trong tổng số phiếu tham dự biểu quyết.

8. Đủ tỉ lệ thông qua

Trường hợp đủ tỉ lệ thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này, nội dung xin ý kiến được thông qua.

Trường hợp không đủ tỉ lệ thông qua theo quy định, nội dung lấy ý kiến không được thông qua.

9. Thông qua Biên bản/Nghị quyết

Khi tất cả các nội dung xin ý kiến được thực hiện biểu quyết, Thư ký sẽ đọc toàn văn dự thảo biên bản/nghị quyết cho tất cả các thành viên dự họp và xin ý kiến thông qua biên bản/nghị quyết.

10. Kiểm tra Công bố thông tin

Các nội dung xin ý kiến nếu thuộc nội dung phải công bố thông tin theo quy định hoặc HĐQT xét thấy cần thiết công bố, biên bản/ng nghị quyết sẽ được chuyển cho bộ phận công bố thông tin để thực hiện công bố thông tin theo quy định.

11. Công bố Biên bản/Nghị quyết

Bộ phận công bố thông tin soạn lập công văn công bố biên bản/ng nghị quyết và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

12. Lưu hồ sơ

Biên bản, nghị quyết, tài liệu họp, phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu được thực hiện lưu hồ sơ theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
Số: .../20xx/ĐK-HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày ... tháng ... năm

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CỦA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt

Tôi là:

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ: 20...- 20...

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Email:

Chữ ký mẫu:

Chữ ký thứ nhất	Chữ ký thứ hai

Đề nghị chuyển thông tin liên quan đến hoạt động của HĐQT cho tôi tới địa chỉ theo thông tin nêu trên.

Trên trong $\mathcal{L}$.

THÀNH VIÊN HĐQT
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**
Số: .../20xx/TB-HĐQT

BM02-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc họp Hội đồng quản trị

Kính gửi: Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt

Hội đồng quản trị trân trọng thông báo và kính mời các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị Công ty dự phiên họp Hội đồng quản trị,

Thời gian:

Hình thức: Trục tiếp ☐

Trục tuyến ☐

Địa điểm:

Nội dung và chương trình họp:

1. ...
2. ...
3. ...

Rất mong Ông/Bà dự họp đầy đủ, đúng giờ.

Trường hợp không trực tiếp dự họp, Ông/Bà vui lòng ủy quyền dự họp hoặc gửi Phiếu Biểu quyết về Công ty chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

Mọi vấn đề liên quan đến công tác tổ chức và kỹ thuật (nếu cần), Ông/Bà vui lòng liên hệ:

Thư ký: Ông/Bà

SĐT:..... Email:

Kỹ thuật viên tin học: Ông/Bà

SĐT:..... Email:

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu: TCHC, VP HĐQT.

CHỦ TỊCH HĐQT

Họ và tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY ỦY QUYỀN**THAM DỰ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**1. Người ủy quyền:**

Họ và tên thành viên HĐQT:

Số CMND/CCCD: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Người nhận ủy quyền:

Họ và tên:

Số CMND/CCCD: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Nội dung ủy quyền:

Thay mặt Người ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị ngày / /20xx.

Người ủy quyền chịu mọi trách nhiệm đối với việc ủy quyền này.

4. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:

Người nhận ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung làm việc của Hội đồng quản trị, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả cuộc họp cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp ngày / /20xx của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường Sắt.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng ... năm 2020

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**PHIẾU BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Ngày: / /

Nội dung 1: ...

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

Nội dung 2: ...

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

Nội dung 3: ...

☐ Tán thành

☐ Không tán thành

☐ Không có ý kiến

...

...

...

(Bôi đen/dánh dấu vào 1 trong 3 ô ☐ tương ứng với ý kiến biểu quyết ở từng nội dung biểu quyết)

CÔNG TY CỔ PHẦN
TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
 Số: /BB-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I – THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận ĐKKD/MST số: Nơi cấp: Ngày cấp:
- Điện thoại: Fax:

II – THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN THAM DỰ

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm, tại trụ sở chính của Công ty, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp với thành phần tham dự như sau:

1. Hội đồng Quản trị:

- | | |
|----------|-------------------|
| - Ông/Bà | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông/Bà | - Thành viên HĐQT |
| - Ông/Bà | - Thành viên HĐQT |
| - Ông/Bà | - Thành viên HĐQT |
| - Ông/Bà | - Thành viên HĐQT |

2. Chủ tọa cuộc họp: Ông/Bà - Chủ tịch HĐQT

3. Thư ký cuộc họp: Ông/Bà

4. Tổng số thành viên dự họp: ... thành viên

5. Tổng số phiếu biểu quyết: phiếu biểu quyết

6. Các thức dự họp: Tất cả các thành viên HĐQT tham dự và biểu quyếttrực tiếp/trực tuyến

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, cuộc họp HĐQT đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

III – NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ

A. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp

Chủ tọa tuyên bố lý do, nội dung và chương trình họp.% thành viên dự họp nhất trí nội dung và chương trình. Cụ thể:

1. ...

2. ...

B. Tóm tắt ý kiến của các thành viên dự họp

....

...

Các thành viên dự họp thống nhất biểu quyết cho từng nội dung theo hình thức biểu quyết.

IV – KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Tổng số phiếu phát ra : ... phiếu

Tổng số phiếu thu về : ... phiếu

Số phiếu hợp lệ : ... phiếu

Số phiếu không hợp lệ : ... phiếu

Nội dung 1:

Thành viên	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến

Nội dung 2:

Thành viên	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến

Nội dung 3: ...

...

Cuộc họp kết thúc lúc giờ cùng ngày.

Biên bản này gồm ... (...) trang, được lập tại chỗ, đọc lại cho các thành viên dự họp nghe và được ...% thành viên dự họp thông qua và ký tên dưới đây.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA

.....

.....

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT DỰ HỌP KHÁC

.....

XXX

.....

XXX

.....

XXX

.....

XXX

.....

XXX

.....

XXX

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC, VP HĐQT.

..., ngày ... tháng ... năm

NGHỊ QUYẾT
Về việc....

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN

....

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày / / ;
- Căn cứ Biên bản họp số/BB-HĐQT ngày ... tháng năm ... của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. ...

Điều 2. ...

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc, các phòng ban, bộ phận có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện nghị quyết này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu TCHC, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

XXX